



CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39



Năng suất - Chất lượng - Hiệu quả nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

🏠 Số 45A Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

☎ 0274.3759446

📠 0274.3755605

✉ cic39bd@gmail.com

🌐 www.cic39.vn

BÁO CÁO | 2020
THƯỜNG NIÊN



01 | THÔNG TIN CHUNG 05

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Các giải thưởng tiêu biểu
Ngành nghề và sản phẩm kinh doanh
Vị thế cạnh tranh
Địa bàn kinh doanh
Sơ đồ tổ chức
Định hướng phát triển
Các nhân tố rủi ro

02 | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 29

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư, thực hiện dự án
Tình hình tài chính
Tình hình cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

03 | BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 53

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai

04 | BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 69

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

05 | BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY 81

Hội đồng quản trị
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

06 | BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 97

Trách nhiệm đối với môi trường
Trách nhiệm đối với người lao động
Trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng

07 | BÁO CÁO TÀI CHÍNH 105

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát	07
Quá trình hình thành và phát triển	09
Các giải thưởng tiêu biểu	11
Ngành nghề và sản phẩm kinh doanh	15
Vị thế cạnh tranh	17
Địa bàn kinh doanh	19
Sơ đồ tổ chức	21
Định hướng phát triển	23
Các nhân tố rủi ro	25

- Tên giao dịch CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39
- Tên viết tắt CIC39
- Tên Tiếng Anh CIC39 CORPORATION
- Mã cổ phiếu C32
- Vốn điều lệ 150.301.450.000 VNĐ
- Trụ sở chính Số 45A Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại 0274.3759446
- Fax 0274.3755605
- Email cic39bd@gmail.com
- Website www.cic39.vn
- Giấy chứng nhận Số 3700146225 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp lần đầu đăng ký doanh nghiệp ngày 24/12/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18/05/2020.



Xí nghiệp sản xuất gạch không nung

Năm 1993, Công ty Kinh doanh phát triển nhà Sông Bé (SB.P.Corp) – là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 08/1/1993 của UBND tỉnh Sông Bé, chuyên kinh doanh nhà, vật liệu xây dựng, xây dựng công trình.



Máy xay đá 186 năm 1994

Năm 1997, Tỉnh Sông Bé tách thành hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước, để đáp ứng yêu cầu phát triển phù hợp với xu thế mới, Công ty đổi tên là Công ty Đầu tư Xây dựng 3/2.

Năm 1994, Công ty mở rộng sang lĩnh vực khai thác, sản xuất và kinh doanh đã xây dựng tại mỏ Đá Đông Hòa – huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Năm 2003, Công ty tiến hành xây dựng áp dụng và được chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn ISO 9001:2000, nay là ISO 9001:2008.

Năm 2001, Công ty mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh Bất động sản, kinh doanh nhà ở như Khu dân cư Nguyễn Văn Tiết, Khu dân cư An Phú,...

Năm 2004, Công ty được Cục Sở hữu trí tuệ cấp giấy chứng nhận nhãn hiệu hàng hóa theo Quyết định số A5461/QĐ-ĐK ngày 18/08/2004.

Năm 2007, Công ty xin giấy phép khai thác trực tiếp và làm chủ đầu tư mỏ đá xây dựng Tân Đông Hiệp. Đồng thời, Công ty thành lập Sàn Giao dịch bất động sản và Trung tâm Vật Liệu Xây Dựng 279 mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh cho thuê CCDC thi công.

Năm 2011, Công ty mở rộng xây dựng nhà xưởng sản xuất cống Bê tông tại xã Long Nguyên, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương công suất 30.000 cống/năm, đồng thời đưa vào hoạt động dây chuyền sản xuất gạch bê tông tự chèn, gạch block,... đưa sản phẩm mới vào thị trường.

Năm 2019, Hoàn thiện đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất cấu kiện bê tông giai đoạn 2 Xưởng Thạnh Phước, nhà Xưởng cống hộp sử dụng công nghệ rung lõi và đưa vào vận hành Xí nghiệp gạch không nung vào tháng 8/2019.

Năm 2006, Công ty phát triển thêm lĩnh vực sản xuất cống bê tông cốt thép; Gia công lắp đặt cơ khí công trình; Thi công điện nước; Dịch vụ vận tải hàng hóa,... và thành lập Xí nghiệp cơ khí và cấu kiện bê tông nằm trên địa bàn Ấp Hòa Lân 1, P. Thuận Giao, Tx. Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Năm 2008, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 02/01/2009.

Năm 2012, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu lên sàn giao dịch chứng khoán TP HCM (HOSE).

Năm 2020, Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần CIC39 vào tháng 05/2020. Công ty ngày càng khẳng định được uy tín, vị thế, thương hiệu của mình trong lĩnh vực xây dựng, sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng



Thi công công trình sân golf Palm Sông Bé



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Với sự nỗ lực không ngừng, CIC39 đã được ghi nhận nhiều thành tích hoạt động trong năm 2020 như sau:



GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

Do Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định trao tặng.

Tham dự Giải thưởng Chất lượng Quốc gia là cơ hội để Công ty đối chiếu các chuẩn mực thực hiện đánh giá, cải tiến các hoạt động quản lý chất lượng..., đồng thời đây cũng là cơ hội tốt để Công ty quảng bá thương hiệu, sản phẩm, nâng cao sức cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.



Ông Trần Văn Bình - Phó TGD nhận giải thưởng



TOP 5 DOANH NGHIỆP QUẢN TRỊ TỐT NHẤT

Do Sở giao dịch chứng khoán TP. HCM, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, báo Đầu tư và Công ty Quản lý quỹ Dragon Capital phối hợp thực hiện.

Giải thưởng đã ghi dấu và khẳng định con đường phát triển đúng đắn của Công ty.



Ông Nguyễn Lê Văn - Chủ tịch HĐQT nhận giải thưởng



TOP 3 DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT CÓ HOẠT ĐỘNG IR TỐT NHẤT

Do Định chế tài chính đánh giá.



Giải thưởng đã đóng góp nâng cao uy tín, thương hiệu mã chứng khoán C32 và tiếp thêm động lực để Công ty không ngừng nỗ lực hoạt động và phát triển bền vững.



CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



GIẤY CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG ISO 9001:2015

Do Trung tâm Chứng nhận phù hợp (Quacert) cấp.



GIẤY CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN, SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP THEO TIÊU CHUẨN ISO 45001:2018

Do Trung tâm Chứng nhận phù hợp (Quacert) cấp.



Giấy chứng nhận là công cụ đắc lực giúp Công ty kiểm soát tốt các quá trình sản xuất kinh doanh, từ chính sách, mục tiêu chất lượng đến quy trình sản xuất, nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, con người, hồ sơ tài liệu,...



TOP 100 DOANH NGHIỆP PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2020

Do VCCI phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh & Xã hội, Bộ Tài nguyên Môi trường và Tổng Liên đoàn Lao động tổ chức.



Ông Trần Văn Bình - Thành viên HĐQT - Phó TGD nhận giải thưởng



GIẤY KHEN CÓ THÀNH TÍCH TỐT TRONG VIỆC THỰC THI PHỐI HỢP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THI CÔNG NĂM 2020

Do Giám đốc Ban QL dự án ĐTXD Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương khen tặng.

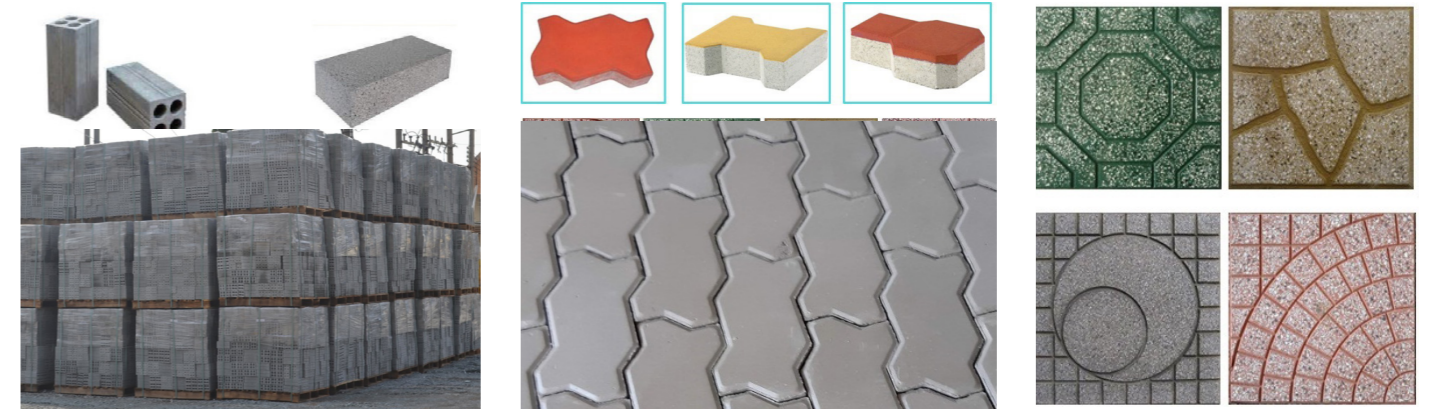


Với những tiềm năng, những thành tựu cùng với bề dày kinh nghiệm trên 27 năm, hoạt động Công ty có nhiều cơ hội thuận lợi để phát triển trong thời gian tới. Đứng trước những thách thức mới, Công ty sẽ không ngừng sáng tạo, thường xuyên duy trì cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng, giữ vững uy tín, chất lượng trong từng sản phẩm, nâng cao mức độ hài lòng của các khách hàng và nâng tầm phát triển bền vững của Công ty.

KHAI THÁC VÀ KINH DOANH ĐÁ XÂY DỰNG



GẠCH KHÔNG NUNG



Gạch 4 lỗ

Gạch đĩnh

Gạch tự chèn

Gạch terrazzo

XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH DÂN DỤNG, CÔNG NGHIỆP VÀ HẠ TẦNG KỸ THUẬT



Lễ khởi công công trình Nghi Đồng 2



Công trình đường do CIC39 thi công

SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH CẤU KIỆN BÊ TÔNG ĐÚC SẴN

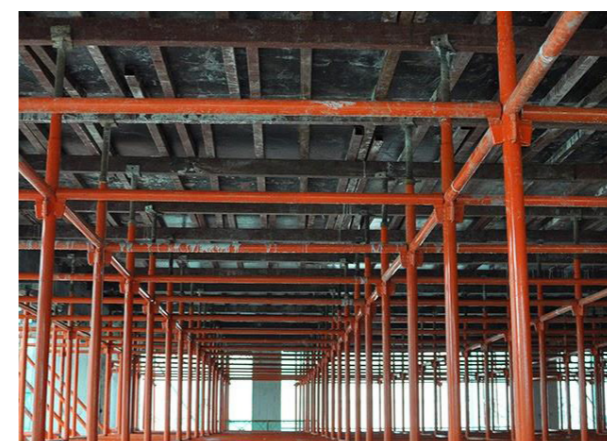


Cống bê tông ly tâm



Cống hộp bê tông cốt thép

LĨNH VỰC KHÁC



Kinh doanh vật liệu xây dựng, cho thuê thiết bị xây dựng



HỒ SƠ THIẾT KẾ PHƯƠNG ÁN
CÔNG TRÌNH: MẪU NHÀ LIÊN KẾ (CÁN HỘ LỘ GÓC)
ĐỊA ĐIỂM: KDC NGUYỄN VĂN TIẾT, P. LÃI THIỆU, TP. THỤM AN, T. BÌNH DƯƠNG

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG SIDECO

2020

Kinh doanh bất động sản

Vị thế cạnh tranh hầu hết các lĩnh vực Công ty trên thị trường nhìn chung ở mức trung bình so với các đối thủ cạnh tranh trực tiếp. Cụ thể:



Sản xuất cống hộp công nghệ rung lõi

LĨNH VỰC CỐNG BÊ TÔNG

Năng lực cạnh tranh của Công ty ở lĩnh vực cống bê tông trong năm nhìn chung vẫn duy trì ở mức ổn định, việc đưa Xưởng bê tông Thạnh Phước vào hoạt động giúp cải thiện yếu tố về năng lực sản xuất cống bê tông.

LĨNH VỰC ĐÁ XÂY DỰNG

Ở lĩnh vực đá xây dựng, mặc dù bước sang giai đoạn tận thu đá nhưng chất lượng đá được đảm bảo, vị trí giao thông thuận lợi nên Công ty duy trì được vị thế cạnh tranh cao.



Mỏ đá Tân Đông Hiệp cốt - 150m

LĨNH VỰC XÂY DỰNG DÂN DỤNG VÀ HẠ TẦNG

Đối với lĩnh vực xây lắp, năng lực kinh nghiệm, nguồn nhân lực, thiết bị thi công và năng lực tiếp thị đấu thầu của Công ty còn thấp. Bên cạnh đó, việc cạnh tranh không lành mạnh trong việc tổ chức đấu thầu các công trình đã làm ảnh hưởng đến kết quả lựa chọn thầu của Công ty trong năm qua.



Công trình Lê Thị Trung do CIC39 thi công



Dây chuyền sản xuất gạch không nung

LĨNH VỰC KINH DOANH GẠCH KHÔNG NUNG

Ở lĩnh vực gạch không nung, tuy đây là sản phẩm mới nhưng sản phẩm của Công ty dần khẳng định được thương hiệu trên thị trường khi được nhiều chủ đầu tư, nhà thầu trong và ngoài tỉnh tin tưởng sử dụng. Mức độ cạnh tranh ở hầu hết các lĩnh vực hoạt động ngày càng gay gắt ở cả hai khía cạnh về giá và quy mô hoạt động.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

THỊ TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Bình Dương
- TP. Hồ Chí Minh
- Đồng Nai
- Tây Ninh



THỊ TRƯỜNG ĐANG MỞ RỘNG THỊ PHẦN

- Miền Tây
- Bình Phước
- Long An

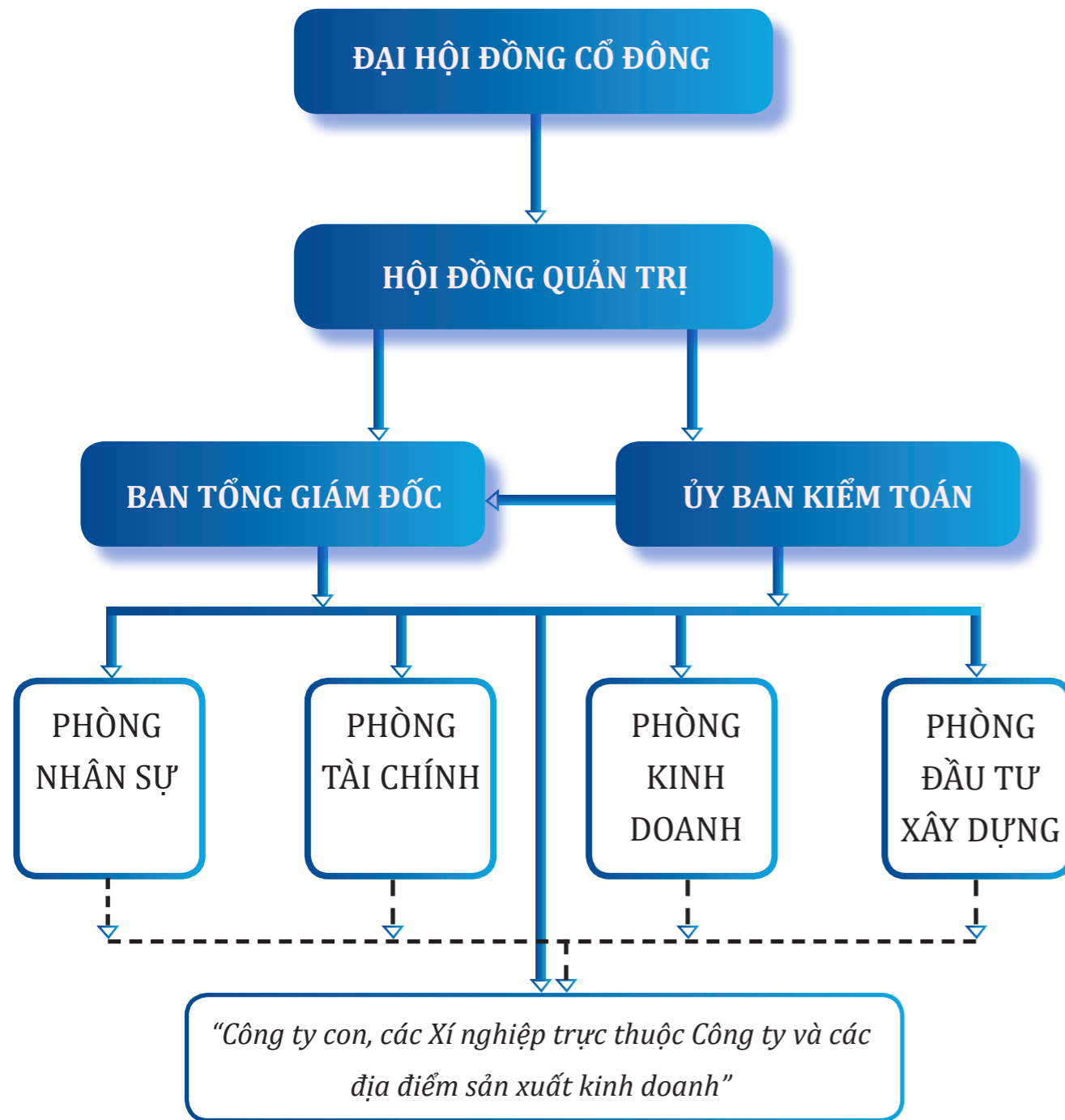
TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Tình hình thị trường của Công ty trong năm tập trung vào các thị trường là Bình Dương, Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai. Năm 2020, Công ty tập trung thi công hoàn thiện các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Đồng thời, Công ty đã phát triển thị trường Đồng Nai thông qua gói thầu Xây lắp và bán cống bê tông có giá trị lớn. Riêng Tp. Hồ Chí Minh là thị trường xây dựng lớn nhất với hàng loạt các công trình về cơ sở hạ tầng nên nhu cầu về xây dựng, vật liệu như đá xây dựng, cống bê tông, gạch không nung khá cao.

Ở thị trường miền Tây, Bình Phước, Long An, Công ty đang dần tiếp cận với các khách hàng lớn và bước đầu ghi nhận kết quả khả quan. Đây được xem là thị trường tiềm năng giúp Công ty mở rộng thị trường và hoạt động bán hàng trong thời gian tới.



Trong năm 2020, Công ty đã đẩy mạnh công tác tiếp thị, đặc biệt là sản phẩm xây lắp, cống bê tông, thép xây dựng đến các chủ đầu tư, ban quản lý dự án, khu công nghiệp tại Bình Dương, Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Phước, Tây Ninh. Kết quả bước đầu có một số kết quả như ở lĩnh vực cống bê tông, thép Xây dựng, cho thuê công cụ dụng cụ, sản phẩm của Công ty cũng đã thâm nhập mạnh hơn vào thị trường này.



Ghi chú:

- 1. Lãnh đạo, điều hành
- 2. Kiểm tra giám sát

CÔNG TY CON

Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tiến Phước

Tỷ lệ góp vốn: 80%

Tỷ lệ lợi ích: 83,38%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 83,38% (80% TL sở hữu trực tiếp + 3,38% TL sở hữu gián tiếp)

Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Đồng Phú, Xã Tân Lập, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước

Lĩnh vực hoạt động: Khai thác, chế biến đá

CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Miền Đông

Tỷ lệ góp vốn: 33,76%

Tỷ lệ lợi ích: 33,76%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 33,76%

Địa chỉ: Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Lĩnh vực hoạt động: Sản xuất khai thác đá, kinh doanh bất động sản và hoạt động thi công xây lắp



Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An

Tỷ lệ góp vốn: 42,38%

Tỷ lệ lợi ích: 42,38%

Tỷ lệ quyền biểu quyết: 42,38%

Địa chỉ: Ấp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An

Lĩnh vực hoạt động: Kinh doanh vật liệu xây dựng

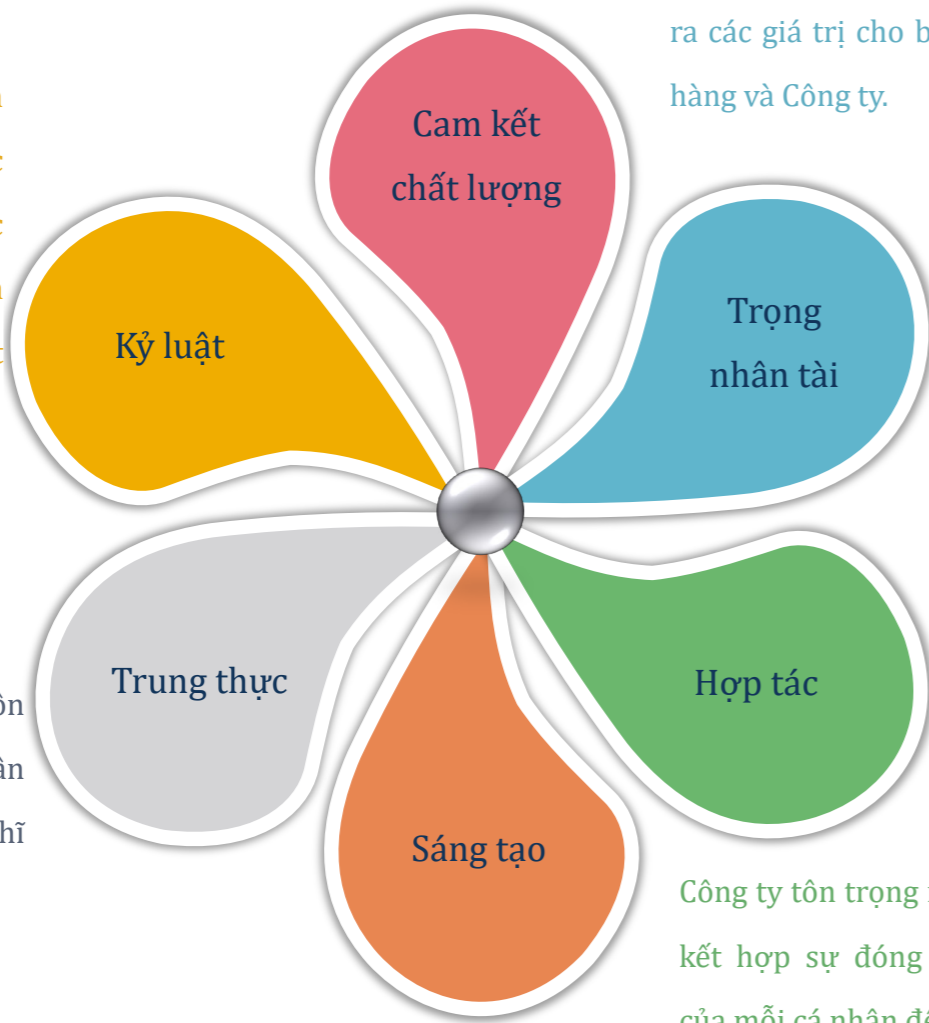


GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Công ty luôn nỗ lực tạo ra những sản phẩm và dịch vụ có chất lượng tốt nhất, đáp ứng và vượt lên sự mong đợi của khách hàng.

Công ty luôn tạo ra môi trường và cơ hội tốt nhất để mỗi cá nhân có thể phát triển toàn diện và tạo ra các giá trị cho bản thân, khách hàng và Công ty.

Mỗi thành viên luôn tuân thủ các quy định công việc và nỗ lực tạo ra hiệu quả cao nhất trong công việc.



Mỗi thành viên luôn trung thực và chân thành trong suy nghĩ và hành động.

Mỗi thành viên không ngừng sáng tạo trong việc tìm ra những giải pháp mới gia tăng giá trị cho khách hàng.

Công ty tôn trọng mỗi cá nhân và kết hợp sự đóng góp khác biệt của mỗi cá nhân để tạo nên thành công chung của tập thể.

TẦM NHÌN

“CIC39 nỗ lực trở thành Công ty chuyên nghiệp, uy tín, chất lượng trong lĩnh vực xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng”

SỨ MỆNH

“CIC39 cam kết mang lại cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao với chi phí hợp lý, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội”

CHÍNH SÁCH CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN ISO 9001:2015 – ISO 45001:2018

Công ty Cổ phần CIC39 luôn đồng hành cùng khách hàng, đối tác để hướng tới mục tiêu cao nhất là đảm bảo chất lượng – an toàn – hiệu quả trên các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đồng thời cung cấp nơi làm việc an toàn và lành mạnh để ngăn ngừa tổn thương và suy giảm sức khỏe của nhân viên liên quan đến công việc.

Nhằm thực hiện được chính sách trên, Công ty cam kết:

- 1 Sản xuất và cung cấp đến khách hàng những sản phẩm, dịch vụ đảm bảo chất lượng, đúng hẹn và tuân thủ nghiêm các quy định về chất lượng và an toàn.
- 2 Đối mới thường xuyên công tác quản lý và áp dụng công nghệ tiên tiến vào các quá trình sản xuất để nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả hoạt động. Đảm bảo các nguồn lực để đáp ứng nhu cầu của khách hàng.
- 3 Tuân thủ các yêu cầu của pháp luật và yêu cầu khác về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. Quản lý tiến tới giảm thiểu đến mức thấp nhất rủi ro về an toàn cho nhân viên và các bên liên quan.
- 4 Đảm bảo sự tham gia, tham vấn của nhân viên và đại diện người lao động khi hoạch định, thực hiện, đánh giá và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng an toàn.
- 5 Duy trì thực hiện và liên tục cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng và an toàn theo tiêu chuẩn ISO 9001 và ISO 45001 để nâng cao hiệu quả hoạt động.

RỦI RO NỀN KINH TẾ

Tốc độ phát triển kinh tế có ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Một nền kinh tế tăng trưởng tốt sẽ giúp thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài - FDI, gia tăng đầu tư công từ Chính phủ, thu nhập người dân tăng, thị trường bất động sản tích cực,... sẽ là những nguyên nhân giúp hoạt động kinh doanh của Công ty thuận lợi hơn. Tuy nhiên, tác động từ đại dịch COVID-19 đang khiến cho tốc độ phát triển kinh tế Việt Nam bị sụt giảm, giải ngân đầu tư công bị đình trệ, thị trường bất động sản ảm đạm, dòng vốn FDI trở nên thận trọng và cả 3 mảng chính là xây dựng, công bê tông và đá xây dựng của Công ty đều phụ thuộc vào các yếu tố này. Chính vì vậy mà tốc độ tăng trưởng kinh tế kém khả quan sẽ gây ra tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty.

Mặc dù Covid-19 tác động đến nền kinh tế Việt Nam khiến kết quả kinh doanh của Công ty có phần kém khả quan nhưng trong báo cáo Triển vọng Kinh tế Thế giới “World Economic Outlook Reports” phát hành bởi Quỹ Tiền tệ Quốc tế (International Monetary Fund - IMF) thì tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam tăng 2,91% trong năm 2020. Đây là mức tăng trưởng tốt nhất Châu Á, xếp trên cả các nền kinh tế lớn trong khu vực. Đồng thời, nền kinh tế của Việt Nam đã có sự hồi phục từ cuối quý 2 do các biện pháp phòng chống và kiểm soát dịch hiệu quả. Với những diễn biến trên, kỳ vọng nguồn vốn giải ngân đầu tư công của Chính phủ sẽ sớm được đẩy mạnh giúp thúc đẩy nền kinh tế, từ đó giúp cho kết quả kinh doanh của Công ty sớm hồi phục. Bên cạnh đó, Công ty cũng có những chính sách bán hàng mới nhằm thúc đẩy doanh thu.



RỦI RO VỀ NGUỒN CUNG ĐÁ

Doanh thu của lĩnh vực đá xây dựng luôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu doanh thu của Công ty và sản lượng đá của Công ty được cung cấp từ mỏ Tân Đông Hiệp. Tuy nhiên, mỏ đá này đã hết hạn khai thác vào cuối năm 2019. Điều này đã ảnh hưởng đến sản lượng khai thác đá của Công ty trong năm 2020. Bên cạnh đó, COVID-19 đã khiến cho hoạt động khai thác của Công ty bị đình trệ do các chính sách phong tỏa và giãn cách từ Chính phủ đã khiến tốc độ khai thác của Công ty bị suy giảm. Những điều này sẽ khiến cho nguồn cung từ đá xây dựng của Công ty suy giảm và kéo theo sự sụt giảm về mặt doanh thu.

Công ty đã có những phương án phòng ngừa rủi ro cho việc này bằng cách gia tăng đầu tư vào 2 công ty có hoạt động khai thác mỏ đá xây dựng là Công ty cổ phần Miền Đông và Công ty cổ phần Hóa An. Song song với đó là việc thành lập Công ty cổ phần khoáng sản xây dựng Tiến Phước. Những thương vụ đầu tư này được kỳ vọng sẽ giúp Công ty bù đắp được sản lượng đá thiếu hụt do mỏ Tân Đông Hiệp hết hạn khai thác trong ngắn hạn và dài hạn sẽ gia tăng sản lượng qua hàng năm.



CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Thị trường bất động sản phát triển sẽ kéo theo là sự sôi động của ngành vật liệu xây dựng và ngược lại. Sau thời gian phát triển nóng và đạt mức tăng trưởng cao nhất ở năm 2018 thì thị trường này đang cho thấy sự chững lại. Bên cạnh đó, tác động từ dịch bệnh COVID-19 như một chất xúc tác khiến cho thị trường này suy giảm và trở nên âm ảm hơn trong nửa đầu năm 2020. Điều này đã khiến cho nhu cầu tiêu thụ vật liệu xây dựng sụt giảm làm cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cũng diễn biến giảm.

Tình hình đại dịch đã được kiểm soát kèm theo thông tin thành lập thành phố Thủ Đức theo nghị định mới của Chính phủ bên cạnh việc giảm lãi suất đã giúp đem lại sự khởi sắc cho thị trường bất động sản, đặc biệt là bất động sản tại 3 quận: 9, 2 và Thủ Đức. Sự khởi sắc này được kỳ vọng là yếu tố tích cực sẽ giúp tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty tăng trưởng trong thời gian tới. Với việc có các mỏ và xí nghiệp nằm gần quốc lộ 1K sẽ là một lợi thế với Công ty khi việc vận chuyển sẽ dễ dàng hơn giúp tiết kiệm chi phí và thời gian, từ đó mang lại lợi thế cho Công ty so với các đối thủ cạnh tranh.

RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Bên cạnh những rủi ro đã nói trên, một số rủi ro khác cũng tiềm ẩn nguy cơ xảy ra trong các trường hợp bất khả kháng như: thiên tai, lũ lụt, cháy nổ... Những rủi ro này thường rất ít khi xảy ra, rất khó dự báo nhưng một khi đã xảy ra thì sẽ để lại hậu quả rất lớn cho Công ty cả về người và tài sản.



Dự án Khu dân cư Nguyễn Văn Tiết

Nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng, Công ty Cổ phần CIC39 luôn chủ động phòng ngừa bằng cách mua bảo hiểm cho người lao động và tài sản của công ty.

RỦI RO LÃI SUẤT

Lãi suất gia tăng sẽ có tác động kìm hãm tới Công ty Cổ phần CIC39. Đầu tiên là việc lãi suất tăng sẽ làm giảm sự sôi động của thị trường bất động sản, từ đó ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thứ hai là lãi suất tăng sẽ làm gia tăng chi phí lãi vay của doanh nghiệp. Việc tăng nợ trong bối cảnh kinh tế còn nhiều ảnh hưởng từ dịch bệnh, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung đang diễn ra, các chính sách tiền tệ mới từ Mỹ và các nền kinh tế lớn là nguy hiểm khi mà lãi suất của Việt Nam có thể gia tăng bất cứ khi nào để phù hợp với bối cảnh kinh tế trong nước và toàn cầu. Hiểu được vấn đề này, Công ty luôn chủ động cập nhật tình hình thị trường để đưa ra các phương án nhằm giảm thiểu tác động của lãi suất đến kết quả kinh doanh của Công ty.

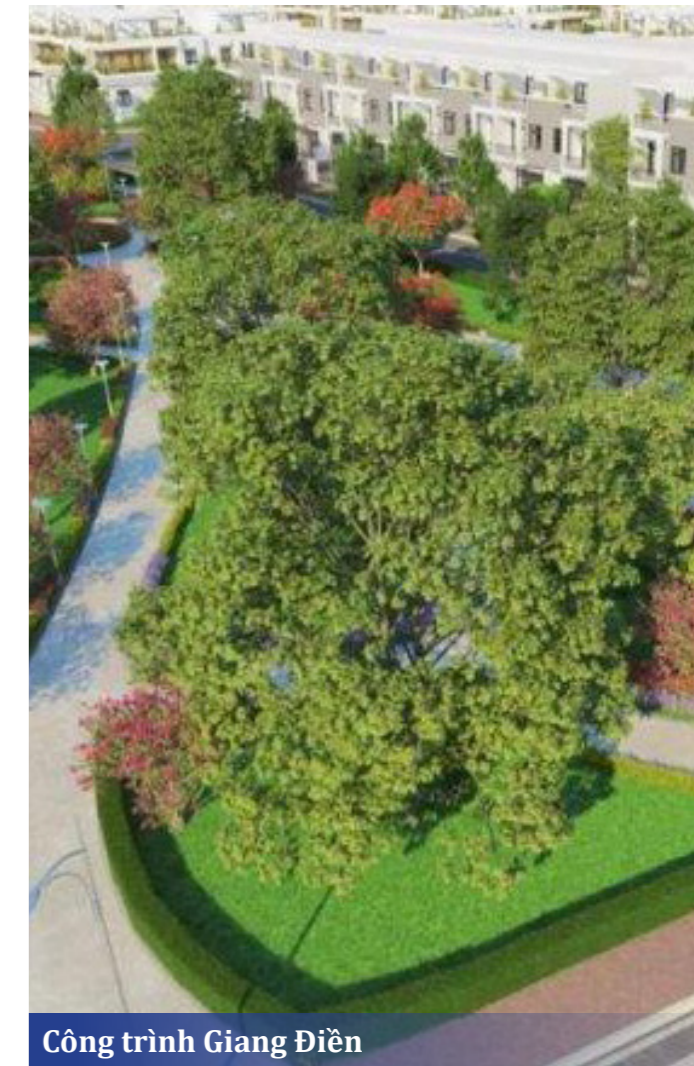
RỦI RO PHÁP LUẬT



Công trường thi công cống hộp của CIC39

Là doanh nghiệp hoạt động tại thị trường Việt Nam, Công ty Cổ phần CIC39 chịu sự điều chỉnh trực tiếp bởi Pháp luật Việt Nam như: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật khoán sản, Luật bảo vệ doanh nghiệp,... Do đó, một khi các văn bản luật này thay đổi sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đặc biệt, vào ngày 01/01/2021, Chính phủ đã áp dụng Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán mới với nhiều thay đổi. Điều này ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp nếu như Công ty không kịp thời cập nhật hay có những biện pháp ứng phó với sự thay đổi này.

Để hạn chế rủi ro pháp luật Công ty luôn theo sát và cập nhật liên tục tình hình những thay đổi trong quy định. Định kỳ tập huấn cho các cán bộ và công nhân viên ở từng bộ phận về những quy định pháp luật có liên quan.



Công trình Giang Điền

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	31
Tổ chức và nhân sự	37
Tình hình đầu tư, thực hiện dự án	45
Tình hình tài chính	47
Tình hình cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	51





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

NGÀNH XÂY DỰNG

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê ngành xây dựng năm 2020 thấp hơn nhiều so với mức tăng cùng kỳ các năm trước, với tốc độ tăng 6,76% đóng góp 0,5 điểm phần trăm mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế. Ngành xây dựng là ngành tăng trưởng bền vững hàng năm và đóng góp lớn vào cơ cấu tăng trưởng GDP của cả nước, đặc biệt năm nay với việc triển khai nhiều dự án hạ tầng giao thông trọng điểm đã làm cho hoạt động ngành ngày càng sôi động đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng ngành đáng kể.



NGÀNH VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Nhu cầu vật liệu xây dựng trong năm 2020 có phần sụt giảm tác động bởi thị trường bất động sản và ngành xây dựng bị chậm lại do tình hình dịch bệnh kéo dài. Giá các mặt hàng vật liệu có nhiều biến động. Sản phẩm gạch xây không nung cũng được sử dụng rộng rãi ở các công trình lớn, cao tầng thay thế gạch truyền thống, về giá các sản phẩm gạch trong năm nhìn chung được duy trì ở mức ổn định so với đầu năm 2020.

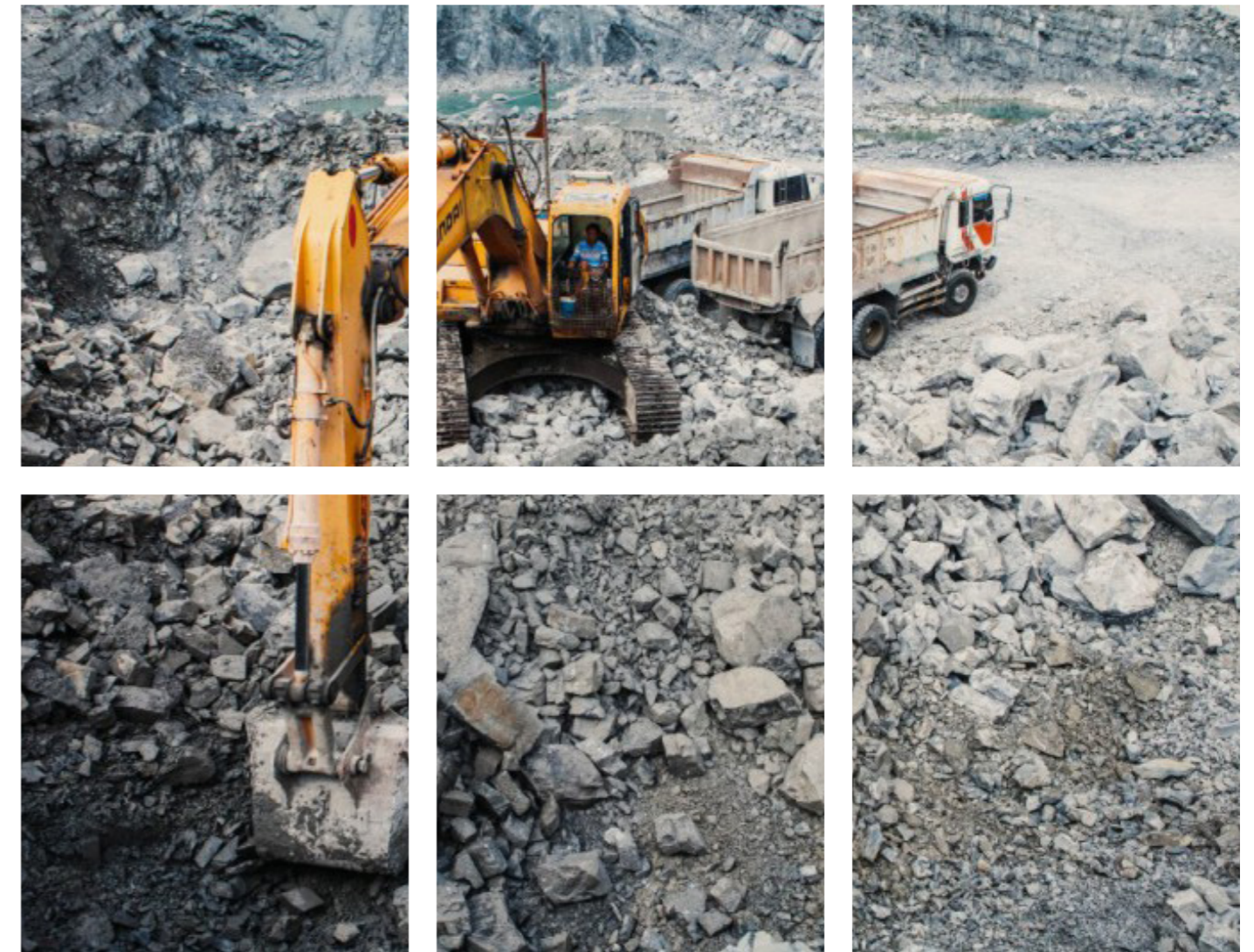


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÁC LĨNH VỰC CỦA CÔNG TY

Lĩnh vực đá xây dựng

Năm 2020 là năm đầy khó khăn trong hoạt động khai thác chế biến đá do mỏ đá Tân Đông Hiệp đã hết hạn khai thác vào cuối năm 2019, trong khi công tác xin giấy phép cải tạo mỏ diễn ra không thuận lợi nên Công ty chỉ còn duy trì hoạt động chế biến đá từ lượng đá học dự trữ dưới mong khai thác, tuy nhiên lượng đá học dần cạn kiệt phải xử lý đục thủ công làm phát sinh nhiều chi phí, lượng đá học không đủ để duy trì hoạt động chế biến nên các máy xay chỉ hoạt động cầm chừng.

Về hoạt động khai thác ngày càng xuống sâu gây nguy cơ mất an toàn cao, nhưng với sự nỗ lực của toàn Xí nghiệp đã khắc phục kịp thời các sự cố giúp ổn định sản xuất không bị gián đoạn và đảm bảo sản lượng khai thác. Do lượng đá tại mỏ Tân Đông Hiệp khan hiếm nên thị trường tiêu thụ rất tốt, sản xuất không kịp cung cấp cho các khách hàng.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Lĩnh vực xây dựng dân dụng và hạ tầng

Tình hình hoạt động xây dựng trong năm gặp nhiều khó khăn do dịch bệnh COVID-19 kéo dài, các công trình mới chậm triển khai đấu thầu và thi công nên nguồn việc mới trong năm 2020 rất hạn chế, các công trình chủ yếu trúng thầu vào giai đoạn cuối năm 2020 nên Công ty chủ yếu duy trì hoạt động thi công xây lắp ở các Công trình chuyển tiếp như công trình Khu biệt thự Giang Điền, Trường Nhị Đồng 2, Trường Lê Thị Trung, Đường KĐT Bến Súc.

Việc triển khai các công trình nhìn chung đạt yêu cầu tiến độ để bàn giao chủ đầu tư, tuy nhiên một số công trình còn vướng giải phóng mặt bằng như Đường KĐT Bến Súc, Trường Lê Thị Trung chủ đầu tư chậm bàn giao phần mặt bằng còn lại nên công tác triển khai thi công còn chậm.

Về công tác nghiệm thu lên doanh thu trong kỳ được thực hiện kịp thời giúp đảm bảo doanh thu trong kỳ.

Công tác tiếp thị đấu thầu gặp nhiều khó khăn do các công trình vốn công triển khai đấu thầu chậm. Các công trình chuyển tiếp trong năm 2020 hầu hết dự kiến hoàn thiện bàn giao công trình trong năm 2020, trong khi số lượng công trình thi công mới triển khai trong năm còn hạn chế.



Công trình đường 8B-KCN Assendas Protrade và Công trình Giang Điền CIC39 thi công



Sản xuất cống bê tông

Lĩnh vực cống bê tông

Tình hình kinh doanh lĩnh vực cống bê tông trong năm nhìn chung cũng có nhiều thuận lợi, đặc biệt tình hình tiêu thụ trong năm 2020 được duy trì ở mức tốt. Việc Công ty mở rộng thị trường sang khu vực Đồng Nai, Bình Phước và đang ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực về hợp đồng và doanh thu tiêu thụ đặc biệt ở sản phẩm cống hộp, cống tròn có kích thước lớn ở dự án lớn. Trong năm phân khúc khách hàng dân dụng giảm, tuy nhiên phân khúc công nghiệp, hạ tầng trọng điểm tăng mạnh trong nửa cuối năm 2020 đã giúp Công ty đẩy mạnh sản lượng sản xuất, chủ yếu là các loại cống tròn, cống hộp có kích thước lớn với giá trị gia tăng cao, sản phẩm cống tròn lớn từ fi800-2000 chiếm 51% giá trị sản lượng, cống hộp chiếm 17% giá trị sản lượng (trong đó cống hộp >=D2000 chiếm 11% giá trị sản lượng) góp phần thúc đẩy doanh thu sản phẩm cống trong kỳ. Các đối thủ của Công ty cạnh tranh bằng thương hiệu, giá, thanh toán và chiết khấu, nên giá cống các loại hiện chịu sức ép cạnh tranh rất lớn từ đơn vị cùng ngành.

Năm qua, giá cống rung ép thấp hơn từ 10%-12% so với cống ly tâm. Vì vậy, Công ty đã chú trọng công tác quản lý giá thành sản phẩm cống bê tông thông qua việc cải tiến định mức sản xuất, tăng cường cải tiến công nghệ sản xuất để tăng năng suất lao động, thực hiện đánh giá chi phí tiền lương... nhằm giảm giá thành và tăng tính cạnh tranh trên thị trường của sản phẩm. Việc 2 Xưởng bê tông Thạnh Phước và Long Nguyên hoạt động ổn định giúp nâng cao năng lực sản xuất. Dự kiến doanh thu lĩnh vực Cống bê tông đạt 189.059 triệu đạt 110% kế hoạch năm 2020.

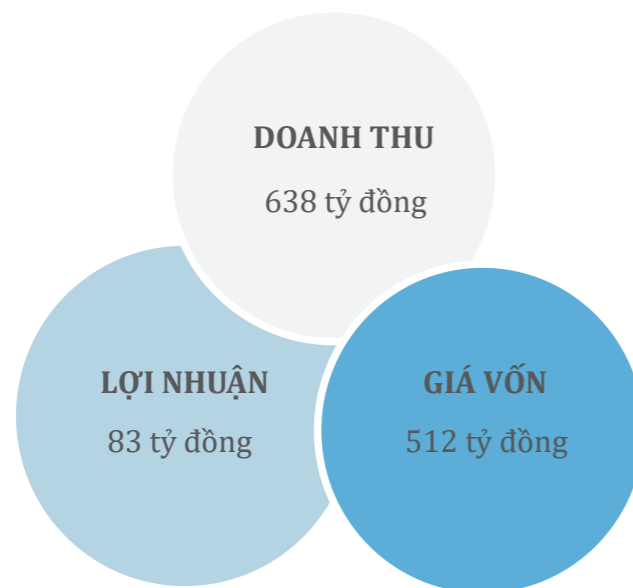
KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2020

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% 2020/2019
1	Doanh thu thuần	802.113	638.219	79,55%
2	Lợi nhuận từ HĐKD	81.009	91.943	113,50%
3	Lợi nhuận khác	10.950	8.511	77,72%
4	Lợi nhuận trước thuế	91.960	100.454	109,24%
5	Lợi nhuận sau thuế	75.819	83.112	109,62%
6	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu (đồng)	4.719	5.070	107,44%



Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2020 nhìn chung tăng so với năm 2019 trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp. Kết quả trên ghi nhận nhiều nỗ lực của Ban Lãnh đạo và nhân viên trong việc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh để đảm bảo tăng trưởng cho Công ty.



Về doanh thu

Doanh thu thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 638.219 triệu đồng, đạt 79,55% so với cùng kỳ năm 2019. Trong năm chưa ghi nhận doanh thu bất động sản do vướng thủ tục tách sổ và bán nền KDC Nguyễn Văn Tiết. Tuy nhiên Công ty được hoàn nhập dự phòng khoản phải thu quá hạn nên lợi nhuận Công ty đạt khá. Trong đó, ghi nhận tăng trưởng doanh thu ở lĩnh vực cống bê tông, gạch không nung; và doanh thu giảm ở lĩnh vực đá xây dựng, xây lắp, vật liệu xây dựng, cho thuê thiết bị xây dựng, gạch bê tông tự chèn, gạch terrazzo.

Về lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế của công ty đạt 83,11 tỷ đồng tăng 9,62% so với năm 2019. Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty năm 2020 đạt 91,94 tỷ đồng tăng 13,5% so với cùng kỳ năm 2019. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh các lĩnh vực hoạt động thay đổi do cơ cấu doanh thu thay đổi, chủ yếu là do lãi gộp lĩnh vực chính đá xây dựng giảm do sản lượng đá chế biến sụt giảm, chi phí thuê đất tăng mạnh theo khung giá thuê đất mới. Trong năm giá các nguyên liệu đầu vào như điện, thép,... tăng cũng làm ảnh hưởng đến biên lợi nhuận lĩnh vực đá xây dựng, cống bê tông và xây lắp.

DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO

Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Lê Văn	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)	0	0
Võ Văn Lãnh	Thành viên HĐQT kiêm TGD	343.782	2,287%
Trịnh Tiến Bảy	Thành viên HĐQT không điều hành	0	0
Trần Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	6.694	0,045%
Nguyễn Hữu Nghĩa	Thành viên HĐQT độc lập	0	0
Nguyễn Xuân Hiếu	Kế toán trưởng	3.372	0,02%

DANH SÁCH THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HĐQT, BTGD TRONG NĂM 2020

STT	Thành viên	Chức vụ	Ghi chú
1	Võ Văn Lãnh	Chủ tịch HĐQT	Miễn nhiệm từ ngày 01/08/2020
2	Nguyễn Lê Văn	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm từ ngày 01/08/2020

LÝ LỊCH BAN LÃNH ĐẠO

ÔNG NGUYỄN LÊ VĂN
Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập)


Năm sinh	: 1983
Trình độ chuyên môn	: Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	:
2005 – 2007	Nhân viên kiểm toán Công ty Kiểm toán DTL
2007 – 2009	Nhân viên phân tích đầu tư CTCP Đầu tư Sao Việt
2009 – 2010	Trưởng phòng tư vấn TCDN CTCP Chứng khoán Gia Quyền
2010 – 04/2018	Giám đốc tư vấn TCDN CTCP Chứng khoán Beta
26/04/2018 – 31/07/2020	Thành viên HĐQT độc lập CTCP CIC39
01/08/2020 – nay	Chủ tịch HĐQT CTCP CIC39


ÔNG VÕ VĂN LÃNH
Thành viên HĐQT kiêm TGD


Năm sinh	: 1963
Trình độ chuyên môn	: - Cử nhân Tài chính Xây dựng cơ bản - Kỹ sư Xây dựng cầu đường bộ
Quá trình công tác	:
1985 – 1992	Nhân viên Ủy ban Kế hoạch tỉnh Sông Bé
12/1992 – 09/1995	Kế toán trưởng Công ty Kinh doanh Phát triển nhà Sông Bé
09/1995 – 12/2008	Giám đốc Công ty Kinh doanh Phát triển nhà Sông Bé
12/2008 – 31/07/2020	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP CIC39
01/08/2020 – nay	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP CIC39

ÔNG TRỊNH TIẾN BẢO

Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh : 1972
Trình độ chuyên môn : - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
 - Kỹ sư Cơ khí thủy lợi

Quá trình công tác :

1993 – 1996 Phụ trách KT đội cơ giới Công ty XD 48
 1996 – 1997 Phụ trách QLDA Công ty Việt Nam Fatt
 1997 – 2002 Đội phó đội cơ giới XN1 – CTCP Hóa An
 2002 – 04/2004 Phó GĐ, GĐ XN1 – CTCP Hóa An
 05/2004 – 04/2012 P.TGĐ CTCP Hóa An
 05/2012 – 06/2014 Thành viên HĐQT, Phó TGĐ CTCP Hóa An
 07/2014 – nay Thành viên HĐQT, TGĐ CTCP Hóa An
 03/2017 – 04/2017 Thành viên HĐQT CTCP Phước Hòa FICO
 04/2017 – nay Chủ tịch HĐQT CTCP Phước Hòa FICO
 23/04/2019 – nay Thành viên HĐQT không điều hành CTCP CIC39



ÔNG TRẦN VĂN BÌNH

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ

Năm sinh : 1965
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác :

1987 – 1993 Kế toán Công ty Dầu thực vật Đồng Nai
 1994 – 1998 Kế toán trưởng Xí nghiệp Khai thác và Sản xuất VLXD thuộc CTCP CIC39
 1999 – 06/2005 Giám đốc Xí nghiệp Khai thác và Sản xuất VLXD thuộc CTCP CIC39
 07/2005 – 09/05/2014 Kế toán trưởng CTCP CIC39
 10/05/2014 – 2017 Phó TGĐ CTCP CIC39
 21/04/2017 – Nay Thành viên HĐQT kiêm Phó TGĐ CTCP CIC39



ÔNG NGUYỄN HỮU NGHĨA

Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh : 1990
Trình độ chuyên môn : Cử nhân

Quá trình công tác :

2012 – 2013 Chuyên viên đầu tư Saigon Asset Management.
 2013 – 2015 Chuyên viên nghiên cứu đầu tư CTCP FGATE.
 2015 – 2017 Chuyên viên đầu tư Quỹ đầu tư cá nhân.
 2017 – 2017 Chuyên viên đầu tư cấp cao CTCP Y khoa Hoàn Mỹ.
 2018 – nay Trưởng nhóm Thị trường vốn của No Va Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư địa ốc No Va (No Va)
 23/04/2019 – nay Thành viên HĐQT độc lập CTCP CIC39



ÔNG NGUYỄN XUÂN HIẾU

Kế toán trưởng

Năm sinh : 1982
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế - chuyên ngành Kế toán kiểm toán
Quá trình công tác :

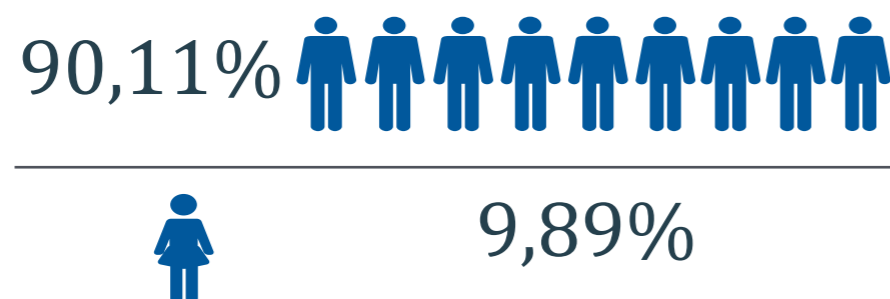
06/2004 – 2008 Nhân viên phòng Tài chính Tổng hợp CTCP CIC39
 2009 – 05/2014 Phó trưởng phòng Tài chính CTCP CIC39
 21/04/2017 – 19/03/2018 Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần CIC39
 05/2014 – nay Kế toán trưởng – Trưởng phòng Tài chính Công ty Cổ phần CIC39



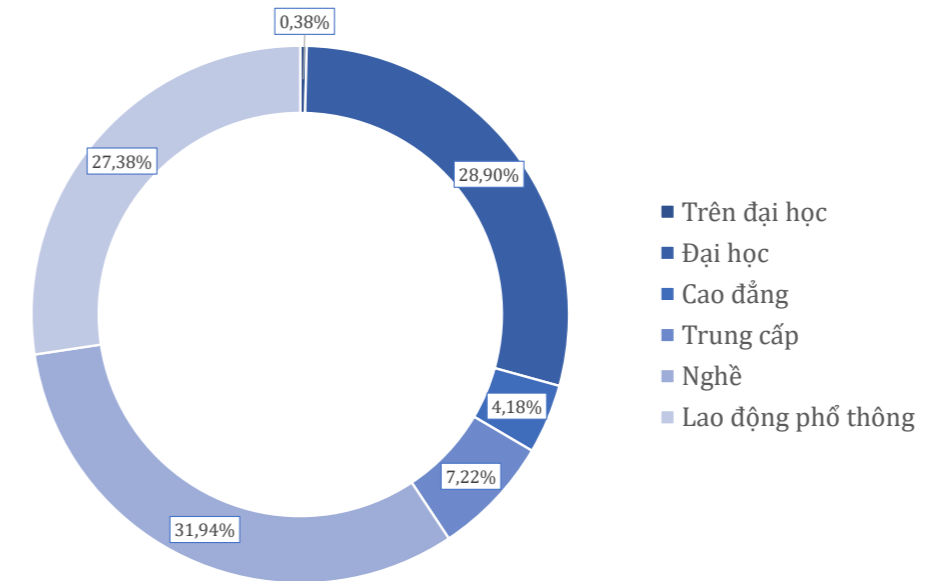
SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	263	100,00%
1	Trên đại học	1	0,38%
2	Đại học	76	28,90%
3	Cao đẳng	11	4,18%
4	Trung cấp	19	7,22%
5	Nghề	84	31,94%
6	Lao động phổ thông	72	27,38%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	263	100,00%
1	Hợp đồng không thời hạn xác định	199	75,67%
2	Hợp đồng thời hạn xác định từ 1-3 năm	50	19,01%
3	Hợp đồng thời vụ	11	4,18%
4	Hợp đồng thử việc	3	1,14%
C	Theo giới tính	263	100,00%
1	Nữ	26	9,89%
2	Nam	237	90,11%

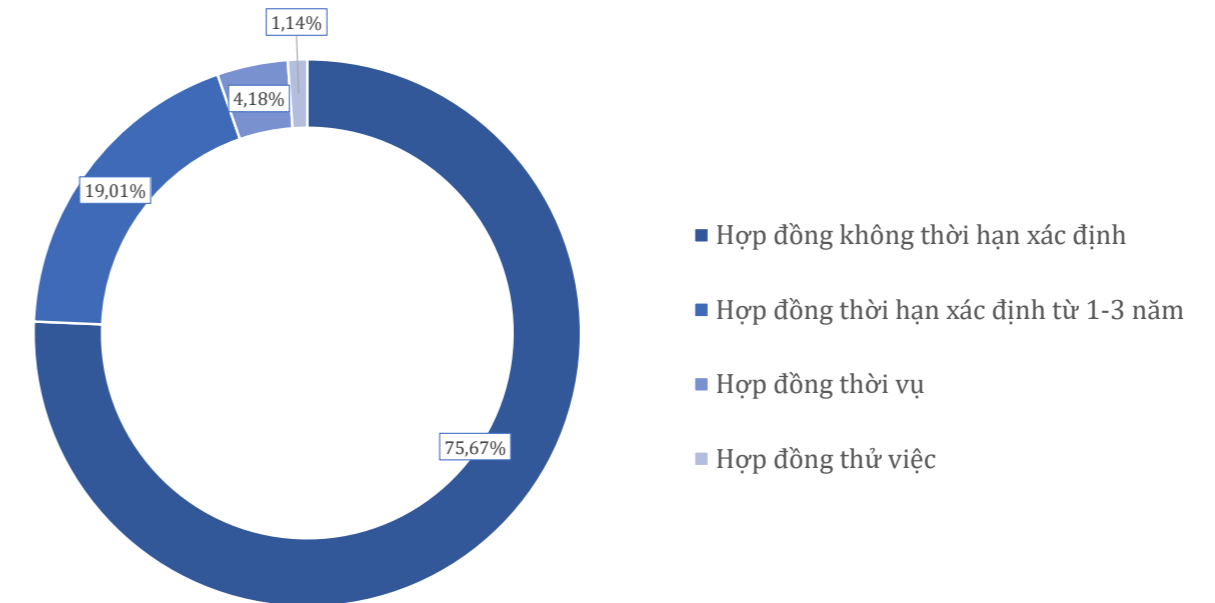
Cơ cấu lao động theo giới tính



Cơ cấu lao động theo trình độ



Cơ cấu lao động theo tính chất hợp đồng


THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng số lượng người lao động (người)	437	338	267	263
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	9.500.000	12.300.000	14.600.000	14.600.000

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ**Tình hình thay đổi nhân sự**

Tổng số lao động cuối kỳ năm 2020 bằng 87% so với kế hoạch ảnh hưởng từ việc giảm nhân sự ngoài kế hoạch do không được cơ quan quản lý nhà nước cấp phép cải tạo mỏ Đá ở XN Đá xây dựng. Trong năm 2020, số lao động cuối kỳ là 263 người, số lượng lao động giảm là 90 nhân sự, chủ yếu nhân sự tại các đơn vị sản xuất và nhân sự hết việc tại XN Đá.

Về lương, thưởng và phúc lợi

Công ty thực hiện tốt các chế độ, chính sách đảm bảo quyền lợi cho người lao động, như thưởng vào các dịp lễ tết, có chế độ tham quan nghỉ mát, có chế độ bảo hiểm con người 24/24, có chế độ thăm hỏi khi nhân viên hoặc gia đình có hũu sự, tặng quà, khen thưởng con em nhân viên học tập tốt dịp 01/6, Trung thu, tặng quà cho nhân viên viên nữ dịp 8/3, 20/10, tặng quà người thân nhân viên là người có công cách mạng, người cao tuổi,... duy trì các chương trình chăm sóc sức khỏe cho người lao động, cán bộ quản lý hàng năm.

**Về tuyển dụng**

Công tác tuyển dụng năm 2020 vượt 125% kế hoạch (72LĐ/32LĐ). Số lượng lao động tuyển dụng chủ yếu là thay thế lao động tại các bộ phận sản xuất nghỉ việc và tuyển dụng nhân sự cho XN Gạch bê tông hoạt động vào tháng 03/2020.

Về đào tạo

Công tác đào tạo năm 2020 đạt 106% so với kế hoạch (18/17 khóa), tính theo tổng số khóa đào tạo. Một số khóa đăng ký đào tạo trong kế hoạch năm 2020 không thực hiện được trong năm do các yếu tố dịch bệnh COVID-19 nên các đơn vị đào tạo không tổ chức khóa học.

Môi trường công việc

Môi trường làm việc tốt sẽ phát huy tối đa năng lực chuyên môn và khả năng sáng tạo của nhân viên, góp phần nâng cao năng suất lao động. Hiểu được điều đó, Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất để xây dựng một môi trường làm việc năng động, an toàn, công bằng, thân thiện, nơi mà mỗi người lao động đều cảm thấy là một phần của Công ty.



Huấn luyện an toàn lao động CN điện



Các khóa huấn luyện công tác ATLĐ-VSLĐ



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tổng giá trị đầu tư trong năm 2020 đạt 35.256 triệu đồng đạt 28% kế hoạch. Cụ thể:

Đầu tư xây dựng cơ bản là 3.389 triệu đồng, trong đó đầu tư đường nội bộ Xưởng Thanh Phước 2.200 triệu đồng, nhà Xưởng gạch Terrazzo 192 triệu đồng, nhà vệ sinh VP Công ty 463,5 triệu đồng.

Đầu tư tài sản, máy móc thiết bị là 18.1073 triệu đồng (như đầu tư thiết bị sản xuất công nghệ quay ép 10.900 triệu đồng, đầu tư cải tạo trạm trộn và máy sàng cát tại Xưởng Long Nguyên 427 triệu đồng, xe tải HD360 có gắn cầu 12 tấn 3.620 triệu đồng, thiết bị SX gạch bê tông 1.242 triệu đồng, thiết bị văn phòng 318 triệu đồng).

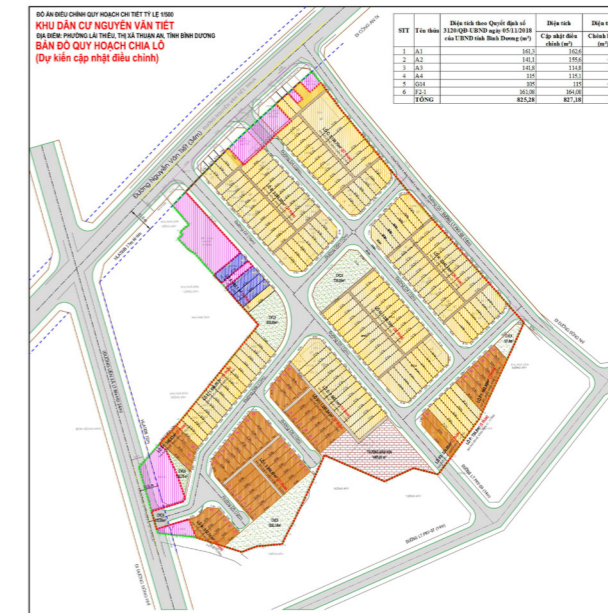
Trong năm Công tiếp tục góp vốn vào Công ty Tiến Phước để đền bù 4,5 ha đất khu vực mỏ đá khu vực Tân Lập - Đồng Phú - Bình Phước là 14.200 triệu đồng.

Trong năm 2020 Công ty đang triển khai đầu tư Xưởng bê tông quay ép tại Thanh Phước trong quý IV/2020 với giá trị giải ngân 10.900 triệu đồng.

Tiến độ dự án BOT Đường Đồng Phú - Bình Dương diễn ra chậm, mua đất khu vực mỏ đá Tân Mỹ - Bắc Tân Uyên chưa thực hiện nên tình hình giải ngân đầu tư trong năm chỉ đạt mức thấp.



Máy hàn bán tự động của dây chuyền sản xuất công nghệ quay ép



Bản đồ điều chỉnh quy hoạch KDC Nguyễn Văn Tiết



Dây chuyền sản xuất công nghệ quay ép



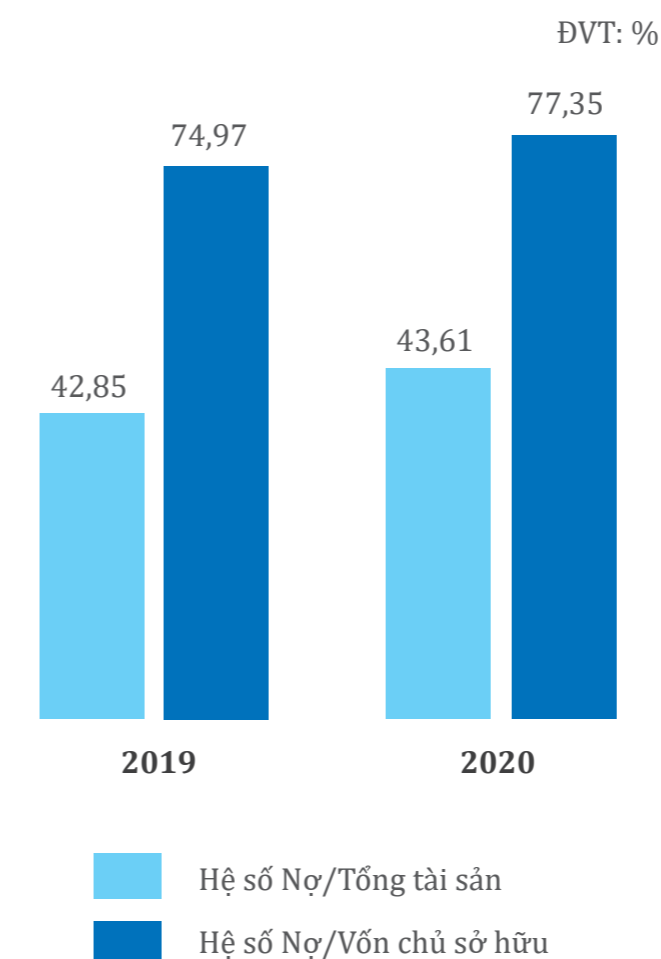
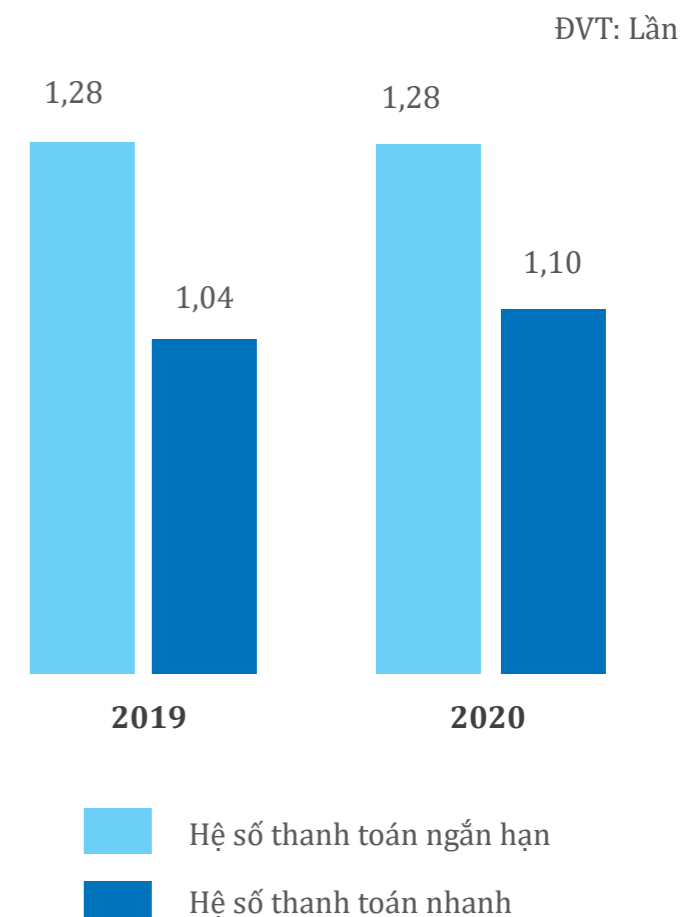
Khu đất bán KDC Nguyễn Văn Tiết

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2019
Chỉ tiêu khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,28	1,28
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,04	1,10
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	42,85	43,61
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	74,97	77,35
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,76	7,01
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,95	0,68
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	9,45	13,02
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	15,34	15,65
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	9,02	8,88
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%	10,10	14,41

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2020 đạt 0,28 lần ổn định so với năm 2019 do độ tăng của tài sản ngắn hạn tương đương độ tăng của nợ ngắn hạn. Hệ số thanh toán nhanh trong năm là 1,1 lần tăng so với năm 2019 là 1,04 lần do hàng tồn kho năm 2020 giảm. Nguyên nhân của khoản mục hàng tồn kho tăng chủ yếu do tình hình dịch bệnh kéo dài, các công trình mới chậm triển khai đấu thầu và thi công và nhu cầu vật liệu xây dựng có phần sụt giảm.

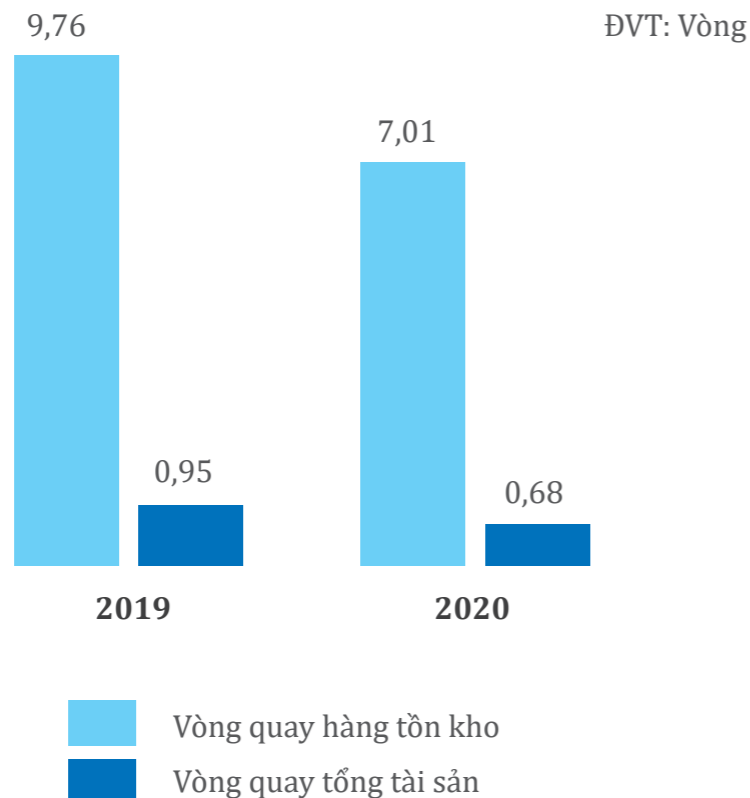

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số nợ trên tổng tài sản và nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2020 lần lượt là 43,61% và 77,35%. Trong năm Công ty đã gia tăng sử dụng đòn bẩy tài chính bằng cách tăng vay nợ ngắn hạn để đầu tư cho các hoạt động sản xuất kinh doanh và tiếp tục đáp ứng các chi phí thực hiện dự án nhà máy sản xuất cốt bê tông Thạnh Phước. Có thể thấy, dù nợ vay tăng nhưng các hệ số đòn bẩy của Công ty luôn được giữ ở mức an toàn, vốn chủ sở hữu có khả năng bù đắp được toàn bộ khoản nợ vay.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

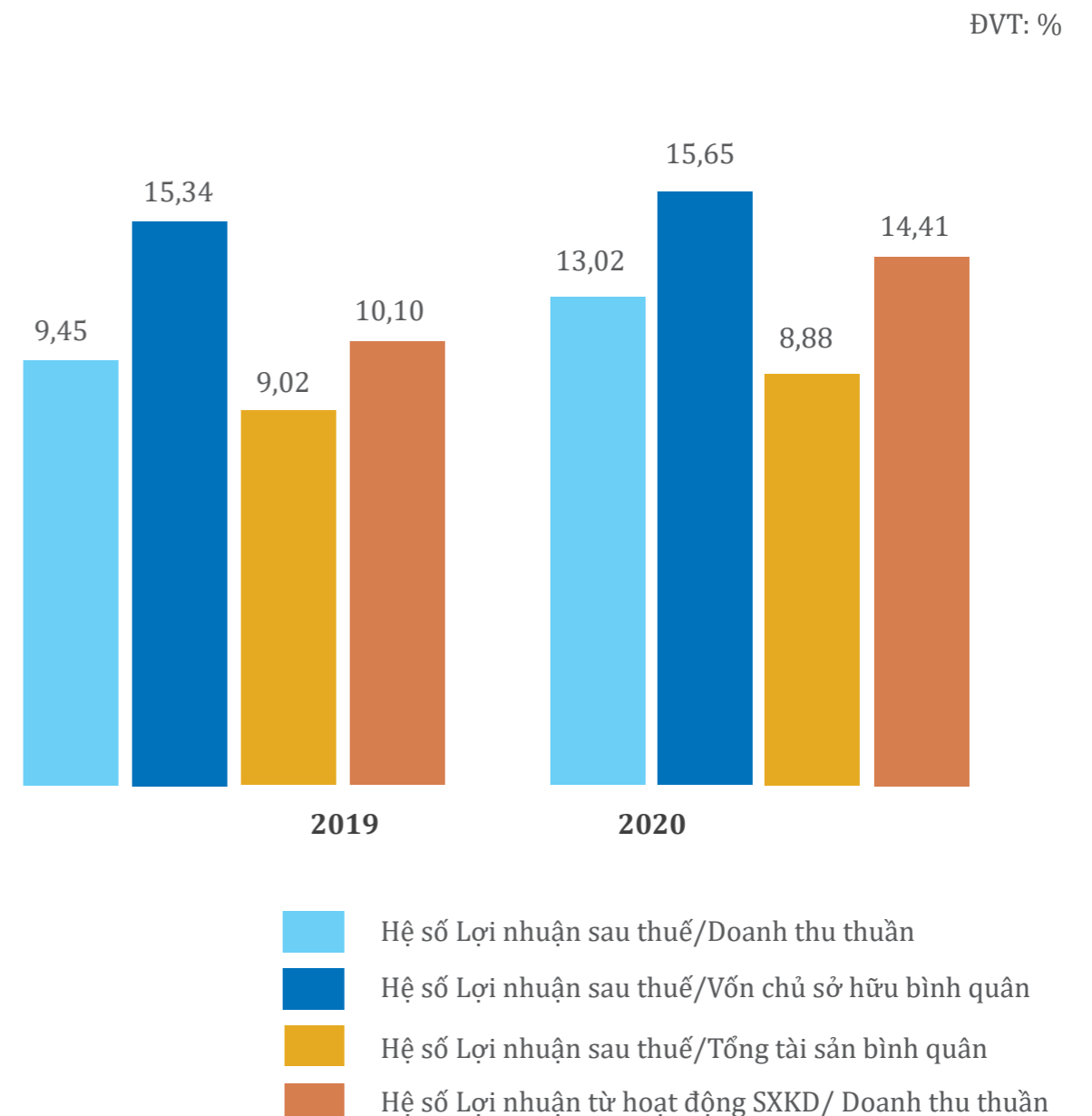
Vòng quay hàng tồn kho của Công ty năm 2020 giảm còn 7,01 vòng từ mức 9,76 vòng năm 2019. Giá vốn hàng bán năm 2020 giảm so với cùng kỳ nhưng hàng tồn kho cũng đồng thời giảm so với năm 2019 khiến cho vòng quay hàng tồn kho của Công ty diễn biến suy giảm. Nguyên nhân dẫn đến việc giảm hàng tồn kho chủ yếu do sản lượng đá có thể khai thác của Công ty đã cạn. Năm 2020, xí nghiệp đá xây dựng hết việc do cơ quan quản lý nhà nước cấp phép cải tạo mỏ đá Tân Đông Hiệp không được phép nổ mìn. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã dừng việc hợp tác khai thác đá với Công ty cổ phần Miền Đông (MDC) do thời gian thu hồi vốn quá dài và tính pháp lý không cao.

Vòng quay trên tổng tài sản của Công ty năm 2020 đạt 0,68 vòng, giảm từ 0,95 vòng năm 2019. Tài sản năm 2020 của Công ty gia tăng do việc tăng đầu tư trong năm của Công ty, đạt 25,26 tỷ đồng (Trong đó, đầu tư xây dựng cơ bản là 3,39 tỷ đồng, đầu tư máy móc thiết bị là 18,11 tỷ đồng, góp vốn với Công ty Tiến Phước là 14,2 tỷ đồng). Tuy nhiên mức tăng của tài sản lại thấp hơn mức giảm của doanh thu thuần. Bối cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn khiến các mảng kinh doanh đá, xây dựng hạ tầng, kinh doanh thiết bị xây dựng và bất động sản giảm là nguyên nhân khiến cho doanh thu của Công ty ảm đạm.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung, tỷ suất các chỉ tiêu về khả năng sinh lời đều tăng so với năm 2019. Mặc dù doanh thu giảm mạnh trong năm 2020 nhưng với việc chi phí quản lý doanh nghiệp giảm mạnh so với cùng kỳ đã giúp lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng so với năm 2019. Lợi nhuận tăng so với cùng kỳ là nguyên nhân giúp các chỉ số sinh lời gia tăng. Tuy nhiên chỉ có chỉ số ROA giảm nhưng vẫn duy trì ở mức tốt là 8,88%.



THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Tổng số cổ phiếu đã phát hành	:	15.030.145 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	15.029.145 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ	:	1.000 cổ phiếu
Loại cổ phần	:	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần	:	10.000 VNĐ



Cổ đông biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2020

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:	:	Không thay đổi
GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ	:	Không có
CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC	:	Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập	62.126	0,413%	4	1	3
	- Trong nước	62.126	0,413%	4	1	3
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
3	Cổ đông lớn	2.886.949	19,208%	2	2	-
	- Trong nước	1.785.101	11,877%	1	1	-
	- Nước ngoài	1.101.848	7,331%	1	1	-
4	Công đoàn Công ty	254.010	1,690%	1	1	-
	- Trong nước	254.010	1,690%	1	1	-
	- Nước ngoài	-	-	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	1.000	0,007%	1	1	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-	-
7	Cổ đông khác	11.826.060	78,682%	2.110	52	2.058
	- Trong nước	10.906.149	72,562%	2.059	32	2.027
	- Nước ngoài	919.911	6,120%	51	20	31
	Tổng cộng	15.030.145	100,000%	2.118	57	2.061
	Trong đó: - Trong nước	13.008.386	86,549%	2.066	36	2.030
	- Nước ngoài	2.021.759	13,451%	52	21	31

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên cổ đông lớn	Số lượng CP đang nắm giữ	Tỷ lệ %
1	PYN ELITE FUND	1.101.848	7,331%
2	Công ty cổ phần Hóa An	1.785.101	11,877%



03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	55
Tình hình tài chính	59
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	61
Kế hoạch phát triển trong tương lai	63



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

Những khó khăn, thuận lợi trong năm 2020

- Trong năm Công ty đã trúng và nhận thầu nhiều công trình như Công trình Trường Long Hòa, Trường Hoa Mai 2, Duy tu đường DT744, đường nội bộ Trung đoàn Cảnh sát cơ động, Đường QL13 Khúc nhạc tình... góp phần tạo việc làm trong năm và chuyển tiếp sang năm 2021.
- Ở lĩnh vực công bê tông, Xưởng Cống hộp rung lõi đang phát huy hiệu quả giúp nâng cao năng lực sản xuất, đồng thời việc Công ty mở rộng thị trường sang khu vực Đồng Nai, Bình Phước và đang ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực về hợp đồng và doanh thu tiêu thụ đặc biệt ở sản phẩm cống hộp, cống tròn có kích thước lớn, khối lượng đơn hàng sản phẩm công bê tông được duy trì ở mức khả quan đã giúp gia tăng sản lượng và thúc đẩy doanh thu lĩnh vực này.



- Ở lĩnh vực đá xây dựng hoạt động khai thác chế biến vẫn đảm bảo an toàn, hoạt động tận thu đá học thuận lợi, nhu cầu tiêu thụ đá tăng mạnh giúp Công ty đảm bảo hoạt động sản xuất và doanh thu trong năm 2020.
- Công ty cũng đã đưa vào sử dụng Máy ép Gạch số 2 giúp nâng công suất XN Gạch bê tông để phát triển sản phẩm mới gạch không nung và bước đầu ghi nhận nhiều tín hiệu khả quan về thị trường tiêu thụ góp phần gia tăng doanh thu Công ty trong những năm tới.
- Trong năm Công ty đã hoàn tất các thủ tục xác nhận cổ phần để tăng tỷ lệ sở hữu Công ty CP BTLT Thủ Đức Long An lên 42,37%, đồng thời hoàn nhập việc trích lập dự phòng khoản nợ phải thu quá hạn cho việc đầu tư cổ phiếu giúp gia tăng lợi nhuận Công ty trong kỳ.



Trung tâm Chứng nhận phù hợp (Quacert) hợp đánh giá cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn, Sức khỏe nghề nghiệp theo Tiêu chuẩn ISO 45001:2018



Ban lãnh đạo Công ty họp giao ban định kỳ

- Lĩnh vực đá xây dựng công tác xin giấy phép cải tạo mỏ diễn ra không thuận lợi nên Công ty chỉ còn duy trì hoạt động chế biến đá từ lượng đá học dự trữ dưới mong khai thác, tuy nhiên lượng đá học dần cạn kiệt không đủ để duy trì hoạt động chế biến; về hoạt động khai thác ngày càng xuống sâu gây nguy cơ mất an toàn cao.
- Ở lĩnh vực xây lắp, trong năm các công trình mới chậm triển khai đấu thầu và thi công nên nguồn việc mới trong năm 2020 rất ít, chủ yếu Công ty duy trì hoạt động thi công xây lắp ở các Công trình chuyển tiếp; một số công trình chủ đầu tư chậm bàn giao phần mặt bằng còn lại nên công tác triển khai thi công còn chậm.
- Tình hình cạnh tranh ở lĩnh vực công bê tông vẫn khá gay gắt, giá công các loại hiện chịu sức ép cạnh tranh rất lớn từ đơn vị cùng ngành với giá thấp hơn từ 3-5%.
- Bên cạnh đó, tiến độ thực hiện giải phóng mặt bằng và chuyển nhượng quyền khai thác đá khu vực Tân Lập - Đồng Phú - Bình Dương rất chậm làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án và khả năng duy trì lĩnh vực khai thác chế biến đá của Công ty giai đoạn sau 2020.
- Trong năm 2020 Công ty chưa thể triển khai bán nền KDC Nguyễn Văn Tiết do các thủ tục pháp lý tách sổ còn chậm nên ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận Công ty trong kỳ sụt giảm mạnh.



- Lĩnh vực công bê tông, hoạt động sản xuất còn gặp khó khăn do các đơn hàng tập trung lấy hàng khi thời tiết thi công thuận lợi nên việc tiếp nhận đơn hàng mới, cũng như tiến độ giao hàng bị ảnh hưởng, khi thời tiết mưa nhiều thì thành phẩm tiêu thụ không kịp nên gia tăng hàng tồn kho.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình thực hiện kinh doanh so với kế hoạch

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ thực hiện
1	Doanh thu	760.000	638.232	83,98%
2	Chi phí giá vốn	609.000	677.427	111,24%
3	Lợi nhuận từ HĐ SXKD	115.600	91.943	79,54%
4	Lợi nhuận trước thuế	115.700	100.454	86,82%
5	Lợi nhuận sau thuế	91.000	83.112	91,33%
6	Lãi cơ bản trên cổ phần (đồng/CP)	6.050	5.070	83,80%

Kết quả kinh doanh năm 2020 đạt thấp hơn so với kế hoạch đề ra ở các chỉ tiêu doanh thu, và lợi nhuận. Cụ thể, doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh là 638,23 tỷ đồng, đạt 83,98% kế hoạch năm. Nguyên nhân chính dẫn đến doanh thu không đạt kế hoạch đề ra là do doanh thu lĩnh vực đá xây dựng sụt giảm mạnh do hết đá nguyên liệu dự trữ để chế biến, các công trình vốn công trong kỳ triển khai chậm do ảnh hưởng dịch bệnh COVID-19 nên nhu cầu sử dụng VLXD giảm sút.

Ngoài ra do năm 2020 thủ tục tách sổ và bán nền KDC Nguyễn Văn Tiết bị vướng Luật hiện hành quy định khu vực đô thị phải xây nhà để bán nên Công ty chưa thể tiến hành bán sản phẩm KDC trong năm 2020 dẫn đến lợi nhuận chưa đạt kế hoạch, doanh thu mảng bất động sản chủ yếu từ cho thuê các mặt bằng hiện có nên chỉ đạt thấp so với kế hoạch đề ra. Về lợi nhuận sau thuế trong năm 2020 đạt 83,11 tỷ đồng, đạt 91,33% kế hoạch.



Họp Ban lãnh đạo Công ty

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

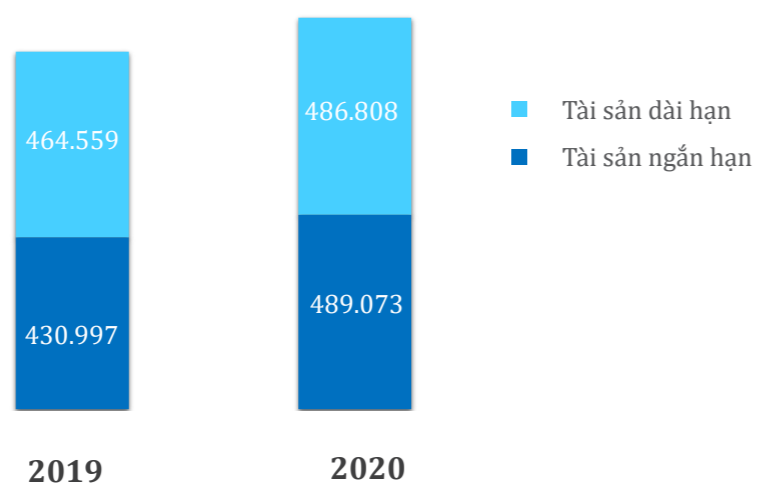
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Năm 2020/2019	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Tài sản ngắn hạn	430.997	489.073	113,47%	48,13%	50,12%
Tài sản dài hạn	464.559	486.808	104,79%	51,87%	49,88%
Tổng Tài sản	895.556	975.881	108,97%	100,00%	100,00%

Vào thời điểm 31/12/2020, tài sản ngắn hạn của Công ty đạt 489 tỷ đồng tăng 13,47% so với cùng kỳ năm 2019. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc khoản mục tiền và các khoản phải thu trong năm tăng mạnh so với cùng kỳ do việc hoàn nhập việc trích lập dự phòng khoản nợ phải thu quá hạn đã giúp cho thanh khoản của Công ty tăng mạnh.

Tài sản dài hạn của Công ty cũng tăng 4,79% so với cùng kỳ, đạt 487 tỷ đồng. Trong đó, các khoản đầu tư tài chính dài hạn tăng so với cùng kỳ là nguyên nhân chính giúp cho tài sản dài hạn của Công ty tăng. Năm 2020, Công ty tiếp tục góp vốn vào Công ty Tiến Phước mua thêm 4,5 ha đất khu vực Tân Lập – Đồng Phú để triển khai dự án mở Đả Tân Lập theo kế hoạch chiến lược. Thêm vào đó, Công ty đã đầu tư mua thêm 1.854.056 cổ phiếu để gia tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức – Long An lên 42,38%.

ĐVT: Triệu đồng



TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

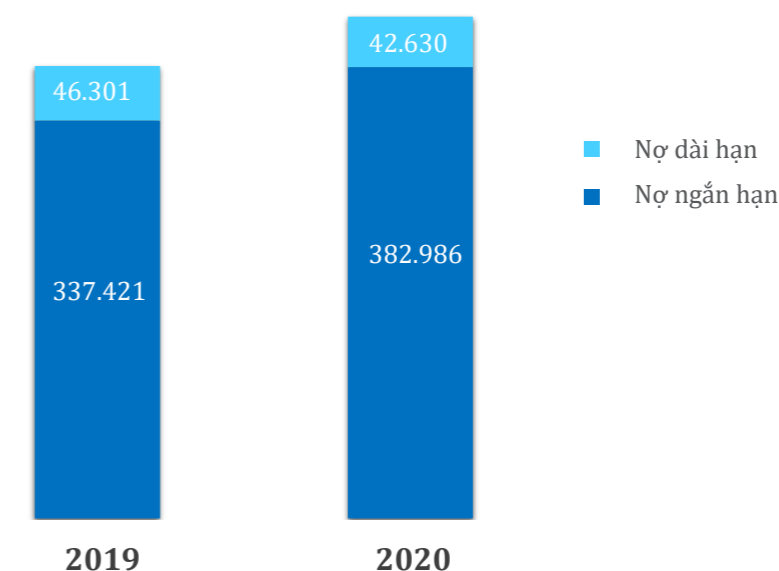
Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% Năm 2020/2019	Tỷ trọng năm 2019	Tỷ trọng năm 2020
Nợ ngắn hạn	337.421	382.986	113,50%	87,93%	89,98%
Nợ dài hạn	46.301	42.630	92,07%	12,07%	10,02%
Tổng Nợ phải trả	383.722	425.616	110,92%	100,00%	100,00%

Nợ phải trả của Công ty tăng lên mức 425,6 tỷ đồng tương đương tăng 10,92% so với cùng kỳ. Sự gia tăng này chủ yếu đến từ tăng các khoản vay ngắn hạn. Trong năm, Công ty đã tăng các khoản vay nợ ngắn hạn từ 337 tỷ đồng năm 2019 lên 383 tỷ đồng năm 2020 để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong khi đó, Công ty để dành nguồn vốn tự có của mình để đầu tư vào việc gia tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức – Long An, mở rộng khu đất ở Tân Mỹ - Bắc Tân Uyên để làm dự án nhà ở, thương mại, dịch vụ sau này,...

Trong cơ cấu nợ phải trả, nợ ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao gần 90% do Công ty hạn chế vay dài hạn nhằm tối ưu việc sử dụng hạn mức tín dụng với chi phí lãi vay thấp, giúp chủ động dòng tiền và giảm áp lực chi phí lãi vay.

ĐVT: Triệu đồng



Trong năm, HĐQT cũng đã hoàn thiện cơ cấu nhân sự cấp cao theo quy định hiện hành, miễn nhiệm Chủ tịch HĐQT, kiêm TGD; bầu lại Chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT độc lập; bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc đối với ông Võ Văn Lân - sinh năm 1963 vào ngày 25/3/2020, có hiệu lực từ ngày 26/4/2020, thời hạn bổ nhiệm 5 năm và bổ nhiệm lại Phó TGD, Kế toán trưởng công ty.

Chính sách người lao động tiếp tục là một trong những chính sách trọng tâm của Công ty. Người lao động có chuyên môn cao, được đánh giá tốt cả về kết quả công việc và phẩm chất sẽ được Công ty khuyến khích, tạo điều kiện để phát huy khả năng tại Công ty. Chính sách tài chính, chính sách bán hàng, chính sách nguồn cung ứng, chính sách thưởng/phạt v.v...được thay đổi để phù hợp với tình hình của từng giai đoạn.



Cuộc họp Hội đồng quản trị công ty

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	% Tăng trưởng
Đá xây dựng	149.978	19.000	-87%
Đá hộc	56.794	-	-100%
Gia công chế biến đá	25.376	-	-100%
Xây lắp	150.552	230.000	53%
Cống BTLT	189.059	203.000	7%
Kinh doanh VLXD	38.813	65.000	67%
Kinh doanh nhiên liệu	10.888	-	-100%
Cho thuê TBXD	2.010	2.500	24%
Gạch tự chèn	2.869	3.000	5%
Gạch Terrazzo	781	2.500	220%
Gạch không nung	5.715	7.000	22%
Bất động sản	1.183	78.000	6493%
Vận tải ca máy	209	-	-100%
Doanh thu từ HĐ SXKD	634.197	610.000	-4%

Doanh thu kế hoạch từ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 là 610.000 triệu đồng, giảm 4% so với năm 2020, trong đó ghi nhận sự tăng trưởng doanh thu ở lĩnh vực cống bê tông 7%, lĩnh vực xây lắp 53%, kinh doanh VLXD 67%, và tăng doanh thu lĩnh vực bất động sản dự án điều chỉnh quy hoạch khu dân cư Nguyễn Văn Tiết. Cơ cấu doanh sản phẩm đá xây dựng không còn là lĩnh vực cốt lõi đóng góp vào cơ cấu doanh thu Công ty mà sẽ dần thay vào đó là lĩnh vực xây lắp, cống bê tông, bất động sản, kinh doanh VLXD.

Trong đó đá Xây lắp chiếm 38%, cống bê tông chiếm 33%, bất động sản chiếm 13%, kinh doanh VLXD chiếm 11%, thầu phụ gia công chế biến đá xây dựng chiếm 3%, và các lĩnh vực khác chiếm 2%. Kế hoạch doanh thu năm 2021 sẽ được xây dựng thận trọng khi mà sản phẩm chủ lực đá xây dựng không còn, cơ cấu doanh thu và lợi nhuận Công ty sẽ có biến động theo chiều hướng giảm do cơ cấu lại lĩnh vực hoạt động cốt lõi, các lĩnh vực khác như xây dựng, cống bê tông, bất động sản, sẽ gánh vác và sẽ dần thay thế và là động lực tăng trưởng cho giai đoạn tới.



Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	KH 2021	
			Giá trị	+/- %/2020
Các chỉ tiêu tài chính				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	638.232	610.000	-4%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	100.454	87.000	-13%
Nộp ngân sách Nhà nước	Triệu đồng	43.087	40.700	-6%
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ (trên BCTC hợp nhất)	Triệu đồng	83.114	69.000	-17%
Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến	%/VĐL	24%	từ 20-24%	-17% - 0%
Tổng giá trị đầu tư	Triệu đồng	35.256	72.600	106%
Đầu tư xây dựng cơ bản	Triệu đồng	3.389	3.990	18%
Đầu tư máy móc thiết bị	Triệu đồng	18.367	8.610	-53%
Đầu tư tài chính	Triệu đồng	14.200	40.000	182%
Đầu tư dự án	Triệu đồng	0	20.000	100%
Lao động và thu nhập				
Tổng số lao động	Người	263	255	-3%
Lương bình quân/người/tháng	Triệu đồng	12,7	12,3	-3%
Thu nhập bình quân/người/tháng	Triệu đồng	14,6	14,4	-1%

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Tổng giá trị kế hoạch đầu tư năm 2021 là 72.600 triệu đồng, tăng 106% so với thực hiện năm 2020.

Trong đó cụ thể như sau:

- Đầu tư xây dựng cơ bản 3.990 triệu đồng gồm: (đầu tư mặt bằng bãi chứa cồng, hệ thống thoát nước tại Xưởng Long Nguyên – XN Cống bê tông; đầu tư đường nội bộ, nền nhà xưởng, thuê kho bãi chứa cồng tại Xưởng Thanh Phước – XN Cống bê tông; di dời máy xay đá từ mỏ đá Tân Đông Hiệp sang mỏ đá Tân Mỹ của CTCP Miền Đông (MDC).
- Đầu tư máy móc, thiết bị để phục vụ cho hoạt động SXKD tại các đơn vị là 8.610 triệu đồng gồm: (đầu tư thiết bị máy quay ép, khuôn cồng, lõi rung, nhà xưởng gia công gối thép + cồng trục 7,5 tấn để hoàn thiện dây chuyền cồng quay ép tại xưởng Thanh Phước – XN Cống bê tông; phần mềm quản lý sản xuất, thiết bị văn phòng của CIC39).
- Đầu tư tài chính: Góp vốn vào Công ty con – Tiến Phước đền bù giải phóng mặt bằng mỏ đá Tân Lập - Đồng Phú - Bình Phước nhằm đảm bảo tiến độ khai thác mỏ đá theo định hướng chiến lược và đầu tư tài chính vào các công ty tiềm năng.
- Đầu tư dự án: mua thêm quỹ đất khu vực Tân Mỹ - Bắc Tân Uyên để làm dự án KDC sau này.

KẾ HOẠCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2021

Tổng lợi nhuận sau thuế kế hoạch năm 2021 là 69.000 triệu đồng và được phân phối như sau: lợi nhuận dùng trích lập các quỹ là 24.495 triệu đồng, lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ là 44.505 triệu.

Trong năm 2021 Công ty dự kiến chia cổ tức với tỷ lệ dự kiến từ 20%-24% (tỷ lệ chia cổ tức sẽ do Đại Hội Cổ đông bỏ phiếu quyết định), phần lợi nhuận còn lại để dành nguồn vốn tái đầu tư vào Công ty Tiến Phước thực hiện dự án mỏ đá Tân Lập - Đồng Phú - Bình Phước, và bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

BIỆN PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH



Lĩnh vực đá xây dựng

- Phối hợp với các đơn vị trong khu mỏ Tân Đông Hiệp thực hiện đầy đủ các cam kết với cơ quan chính quyền để thực hiện công tác cải tạo đống của mỏ theo quy định.
- Đẩy nhanh công tác đền bù giải phóng mặt bằng mỏ đá Tân Lập - Đồng Phú - Bình Phước, làm việc với Công ty Cao su Bình Phước giải quyết diện tích chõng lẩn để có được chủ trương thăm dò mỏ nhằm đảm bảo tiến độ khai thác mỏ đá theo định hướng chiến lược.
- Thực hiện làm thầu phụ khai thác, gia công chế biến đá tại các mỏ Công ty liên kết để tận dụng hết năng lực, kinh nghiệm trong lĩnh vực đá xây dựng.



Công trình Giang Điền do CIC39 thi công



Lĩnh vực xây lắp

- Tập trung công tác đầu thầu các công trình vốn công, vốn tư đảm bảo giá trị trúng thầu trong năm 2021 là 260.000 triệu đồng.
- Tăng cường cải tiến và tối ưu hóa các biện pháp thi công để rút ngắn tiến độ, nghiên cứu áp dụng các biện pháp cơ giới hóa vào hoạt động thi công để tăng tiến độ, giảm giá thành xây lắp hướng tới tăng năng suất lao động.



Lĩnh vực công bê tông

- Tập trung khai thác thị trường Tp. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Tây Ninh, Bình Phước.
- Đồng thời đẩy mạnh hoạt động tiếp thị sản phẩm công hộp rung lõi, công quay ép nhằm gia tăng doanh thu bán hàng.
- Tăng cường công tác quản lý chất lượng, kiểm soát giá thành để hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh sản phẩm trên thị trường.



Lĩnh vực gạch không nung, kinh doanh VLXD, cho thuê TBXD

- Triển khai tăng cường tiếp thị các sản phẩm gạch không nung, thép xây dựng, thiết bị xây dựng mới đến các nhà thầu xây dựng, các chủ đầu tư, và các khách hàng tiềm năng trong khu vực để thúc đẩy doanh thu bán hàng.



Lĩnh vực bất động sản

- Phối hợp với các cơ quan chức năng để hoàn tất việc tách sổ đất và bán đất theo Nghị định 148/2020/NĐ-CP tại khu dân cư Nguyễn Văn Tiết - phường Lái Thiêu - thành phố Thuận An - tỉnh Bình Dương.
- Đồng thời triển khai công tác quảng cáo, tìm kiếm khách hàng để bán đất với tổng diện tích 1.857 m² tại dự án Khu dân cư Nguyễn Văn Tiết để đảm bảo doanh thu kế hoạch.

04

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	71
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty	75
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	77





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

PHÂN TÍCH SWOT

Cơ hội

- ✔️ Vùng Đông Nam Bộ là khu vực có GRDP tăng trưởng năng động nhất cả nước, đặc biệt là Bình Dương. Đồng thời, nguồn vốn từ FDI tiếp tục tăng trưởng, thu hút thêm nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng sẽ tạo động lực cho hoạt động xây dựng trong năm 2021.
- ✔️ Công ty đã đầu tư đưa vào sử dụng 2 dây chuyền sản xuất gạch không nung dây chuyền sản xuất công quay ép có thể sản xuất được nhiều sản phẩm giúp tăng công suất, đa dạng hóa sản phẩm sẽ giúp gia tăng doanh thu và chủ động nguồn vật liệu đầu vào cho hoạt động xây dựng của Công ty.
- ✔️ Công ty đang làm các thủ tục để chuyển tên sổ đất khu vực Tân Mỹ và đang xúc tiến xin chuyển đổi quy hoạch khoảng 4-5 ha đất cây lâu năm khu vực này sang đất ở, thương mại dịch vụ nhằm phục vụ dự án sau này của Công ty.
- ✔️ Công ty đang tăng cường năng lực ở lĩnh vực đá xây dựng thông qua việc đầu tư vào các dự án tiềm năng và các Công ty liên kết.



Tiếp các nhà đầu tư đến tìm hiểu tình hình hoạt động, định hướng của CIC39...

Thách thức

- ✔️ Tình hình cạnh tranh gay gắt ở hầu hết các lĩnh vực, đặc biệt là cạnh tranh về giá và chính sách bán hàng.
- ✔️ Năm 2020, tình hình giá các nguyên vật liệu đầu vào có xu hướng tăng.
- ✔️ Tăng trưởng kinh tế toàn cầu chậm lại do dịch bệnh kéo dài và căng thẳng thương mại Mỹ - Trung.
- ✔️ Mức lương tham gia BHXH, BHYT, BHTN điều chỉnh theo lương thu nhập sẽ tạo áp lực lớn lên chi phí nguồn nhân lực và chi phí giá thành sản phẩm.

Điểm mạnh

- ✔️ Uy tín và thương hiệu của Công ty trên thị trường tiếp tục được duy trì và phát triển.
- ✔️ Việc đầu tư liên kết giúp tăng năng lực Công ty ở lĩnh vực đá xây dựng, công bê tông.
- ✔️ Công ty hiện đang sở hữu nhiều quỹ đất có vị trí chiến lược ở Bình Dương đóng góp vào sự ổn định và tăng trưởng của Công ty.
- ✔️ Thị trường tiêu thụ sản phẩm đá xây dựng, công bê tông, kinh doanh vật liệu đã phủ khắp Bình Dương và ngày càng thâm nhập vào thị trường các tỉnh lân cận.

- ✔️ Việc chủ động được nguồn nguyên vật liệu giúp Công ty giảm giá thành các sản phẩm, giá thành thi công công trình và tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường.
- ✔️ Công ty đang triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành, chú trọng cải tiến cơ giới hóa các công đoạn trong sản xuất.
- ✔️ Công ty đang đầu tư đưa vào vận hành giai đoạn 3 nhà máy công quay ép tại Xưởng Thạnh Phước giúp đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao năng lực và công suất sản xuất.
- ✔️ Công ty đã tích hợp và vận hành hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.







Điểm yếu

- ✔️ Mỏ đá Tân Đông Hiệp hết hạn khai thác, không còn đá tồn và đang chờ quyết định cải tạo mỏ.
- ✔️ Năng lực cạnh tranh của Công ty ở mức thấp và chưa cải thiện ở nhiều lĩnh vực như xây dựng, gạch bê tông, kinh doanh vật liệu.
- ✔️ Dòng tiền từ lĩnh vực đá không còn sẽ ảnh hưởng đến khả năng thanh toán và đầu tư.
- ✔️ Năng suất lao động của Công ty so với mặt bằng chung của thị trường vẫn còn ở mức thấp, chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế, đội ngũ nhân viên kinh doanh còn "mỏng" so với yêu cầu về phát triển của Công ty.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

CÔNG TÁC QUẢN LÝ






-  Trong năm 2020 Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên và hoàn thiện nhân sự cấp cao để phù hợp với quy định mới, và phân công các thành viên cụ thể giúp thuận lợi trong công tác giám sát, chỉ đạo, điều hành Công ty hoạt động hiệu quả.
-  Công ty cũng đã thực hiện đổi tên Công ty sang tên mới là Công ty Cổ phần CIC39 để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.
-  Rà soát, điều chỉnh lại chức năng nhiệm vụ, quyền hạn của các Phòng, Xí nghiệp, thực hiện đổi tên XN Gạch bê tông, đổi tên các chứng nhận nhằm duy trì kế thừa thành quả của thương hiệu CIC truyền thống Công ty.
-  Thực hiện tinh gọn bộ máy nhân sự sản xuất và quản lý để nâng cao hiệu quả hoạt động.
-  Tích hợp và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, Hệ thống An toàn và Sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 45001:2018.
-  Về công tác quản lý giá thành, Công ty đã chú trọng việc giảm giá thành sản phẩm thông qua việc cải tiến định mức sản xuất, tăng cường cải tiến công nghệ sản xuất để tăng năng suất lao động, thực hiện đánh giá lại chi phí tiền lương,... nhằm giảm giá thành và tăng tính cạnh tranh về giá của sản phẩm.



ĐHĐCĐ thường niên năm 2020







CÔNG TÁC TIẾP THỊ

-  Triển khai chương trình chăm sóc khách hàng để ghi nhận các ý kiến của khách hàng về chất lượng sản phẩm và dịch vụ của Công ty, mức độ hài lòng của khách hàng.
-  Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị trực tiếp với các nhà thầu, Công ty xây dựng, Công ty liên kết, các công trình ở các khu công nghiệp ở tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, TP.HCM, Long An.
-  Triển khai cập nhật và in ấn phát hành catalogue các sản phẩm và hồ sơ năng lực Công ty do thay đổi tên Công ty.
-  Về công tác tiếp thị - đấu thầu, trong năm Công ty đẩy mạnh tiếp xúc các chủ đầu tư ngoài vốn công ở trong và ngoài tỉnh, tuy kết quả còn hạn chế.
-  Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng việc chào giá thầu phụ cho các nhà thầu chính, tiếp xúc với các nhà thầu chính chuyên nghiệp để tìm kiếm cơ hội tham gia vào các công trình có quy mô lớn, có yêu cầu cao về kỹ thuật thi công và tiến độ công trình.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng Nghị quyết về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và phương án chi trả cổ tức năm đúng theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2020 thông qua:

-  Thực hiện Công tác tài chính kế toán lành mạnh; Quản lý dòng tiền, hàng hóa tập trung, khoa học tạo tiền đề lớn cho việc quản lý hiệu quả trong luân chuyển hàng hóa, nguyên vật liệu, quản lý công nợ; Cân đối dòng tiền để thanh toán khoản nợ vay ngân hàng, không để tình trạng nợ đọng hoặc chậm trả nợ.
-  Ban Tổng giám đốc có những kế hoạch và quyết định được ban hành sát với tình hình thực tế của Công ty cũng như diễn biến thị trường giúp Công ty đạt được kết quả kinh doanh tốt.
-  Thực hiện chi trả lương, thưởng, phúc lợi, trợ cấp theo đúng Bộ Luật lao động, Điều lệ Công ty. Chi trả lương đúng hạn và đầy đủ. Thực hiện ký hợp đồng lao động bao gồm đầy đủ BHXH, BHYT và trợ cấp thất nghiệp theo đúng quy định của Nhà nước và Luật lao động.
-  Ký kết các hợp đồng kinh tế quan trọng trong năm 2020 trên cơ sở pháp lý đảm bảo quyền lợi của Công ty và Cổ đông, đóng góp đầy đủ vào Ngân sách Nhà Nước.



Chào cờ khai mạc HNNLĐ



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TRIỂN VỌNG NGÀNH

Năm 2021, triển vọng ngành xây dựng và vật liệu xây dựng kỳ vọng sẽ duy trì được mức tăng trưởng khả quan. Thị trường bất động sản năm 2021 sẽ tiếp tục phát triển nhờ nhu cầu nhà ở ở các đô thị ở mức cao, tuy nhiên hiện giá nhà và đất khu vực đô thị trên thị trường đang ở ngưỡng cao nên nên phân khúc căn hộ cao cấp sẽ chịu nhiều áp lực, trong khi đó nhà phân khúc trung cấp và giá rẻ sẽ có nhiều thuận lợi để phát triển.

Đối với ngành xây dựng cơ sở hạ tầng thì mỗi năm cả nước cần trung bình hơn 200 nghìn tỷ đồng/năm để phát triển hạ tầng giao thông, đặc biệt trong năm 2021 ở khu vực Phía Nam việc triển khai thi công các dự án trong chương trình chống ngập ở thành phố Hồ Chí Minh, dự án giải phóng mặt bằng, tái định cư và triển khai hạ tầng dự án sân bay Long Thành, hệ thống hạ tầng giao thông để phục vụ Cảng quốc tế Long An, và hàng loạt tuyến cao tốc trọng điểm như dự án cao tốc HCM - Mộc Bài, cao tốc Bến Lức - Long Thành, cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận, cao tốc Biên Hòa - Bà Rịa Vũng Tàu sẽ tạo cơ hội để Công ty duy trì và phát triển các lĩnh vực kinh doanh.

Trong đó, tập trung triển khai đảm bảo tiến độ các công trình trọng điểm như đường Thủ Biên - Đất Cốc, đường Tạo Lực Bắc Tân Uyên đến Phú Giáo, cầu Bạch Đằng bắc qua sông Đồng Nai, thông tuyến đường Mỹ Phước - Tân Vạn và nối dài đến Bàu Bàng, đường ĐT 743 và ĐT 743B, nâng cấp mở rộng Quốc lộ 13, đường Đại Lộ Đông Tây khu vực Dĩ An... Đồng thời, nguồn vốn từ khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài tiếp tục tăng trưởng, thu hút thêm nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng sẽ tạo động lực cho hoạt động xây dựng trong năm 2021. Riêng đối với các dự án theo hình thức BOT sẽ có xu hướng giảm do ngày càng bộc lộ nhiều hạn chế trong công tác triển khai đấu thầu, thi công và vận hành.

Ở thị trường xây dựng công nghiệp sẽ đạt mức tăng trưởng cao nhờ lượng vốn FDI vào Việt Nam vẫn đang trong xu hướng tăng. Tại địa bàn tỉnh Bình Dương, trong năm 2021 Tỉnh tiếp tục chú trọng đầu tư cho lĩnh vực nâng cấp hạ tầng giao thông, chỉnh trang đô thị, cấp thoát nước công cộng, giáo dục, y tế với tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội dự kiến khoảng 150.000 tỷ đồng tăng 12,3% so với năm 2020; hiện nguồn vốn Đầu tư công của Bình Dương trong năm 2020 đạt tỷ lệ giải ngân còn thấp, nên nguồn vốn đầu tư trong năm 2021 vẫn dồi dào khoảng 9.157 tỷ, khi được chuyển tiếp từ năm 2020.



Bãi gạch không nung thành phẩm XN Gạch bê tông

MỤC TIÊU TÀI CHÍNH CHUNG CỦA CÔNG TY

- ☑ Doanh thu từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ là 610.000 triệu đồng;
- ☑ Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và dịch vụ là 128.000 triệu đồng;
- ☑ Lợi nhuận sau thuế là 69.000 triệu đồng;
- ☑ Lãi cơ bản trên cổ phiếu là 4.606 đồng/cổ phiếu;
- ☑ Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến từ 20%-24% vốn điều lệ, tương ứng từ 2.000 -2.400 đồng/cổ phần.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

- Chỉ đạo, giám sát Ban TGD triển khai hoàn tất các thủ tục cấp sổ đất phục vụ bán nền KDC Nguyễn Văn Tiết để đảm bảo nguồn doanh thu ổn định phục vụ hoạt động SXKD của CIC39 và tái đầu tư các dự án mới đang triển khai.
- Mua thêm quỹ đất khu vực Tân Mỹ - Bắc Tân Uyên đồng thời xin chuyển đổi quy hoạch đất cây lâu năm khu vực này sang đất ở, thương mại, dịch vụ nhằm phục vụ dự án sau này.
- Giám sát việc triển khai đầu tư dây chuyền sản xuất cổng quay ép đặt tại Xưởng Thạnh Phước - XN Cổng bê tông đưa vào sử dụng đầu Quý II/2021 để đa dạng hóa sản phẩm, tăng tính cạnh tranh; tìm kiếm thuê mặt bằng để triển khai nhà máy sản xuất cổng bê tông nhằm mở rộng thị trường.
- Tăng cường hợp tác với các công ty liên kết, tích cực tìm kiếm các đối tác uy tín, tiềm năng trong lĩnh vực bất động sản, lĩnh vực xây dựng để hợp tác triển khai xây dựng các khu dân cư, hạ tầng kỹ thuật... nhằm thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh lĩnh vực xây lắp, tạo nguồn việc làm ổn định trong năm.
- Đẩy nhanh công tác đền bù giải phóng mặt bằng mỏ đá Tân Lập - Đồng Phú - Bình Phước, làm việc với Công ty Cao su Bình Phước giải quyết diện tích chông lán để có được chủ trương thăm dò mỏ nhằm đảm bảo tiến độ khai thác mỏ đá theo định hướng chiến lược.
- Nâng cao tỷ trọng doanh thu tại thị trường TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, Tây Ninh, Long An... đấu thầu, thi công phần đấu đạt trên 260 tỷ đồng.



Công trình đường do CIC39 thi công



Sản xuất gạch terrazzo

- Phối hợp với các đơn vị trong cụm mỏ đá Tân Đông Hiệp xây dựng phương án cải tạo, đóng cửa mỏ sau khi hết hạn khai thác; tham gia làm thầu phụ khai thác, gia công chế biến đá tại các mỏ đá của Công ty liên kết để tận dụng hết năng lực, kinh nghiệm trong lĩnh vực đá xây dựng; tìm kiếm cơ hội đấu giá quyền khai thác các mỏ đá tiềm năng trong khu vực để duy trì hoạt động lĩnh vực khai thác đá giai đoạn sau năm 2021.
- Tăng cường công tác quản lý nội bộ, công tác giá thành và định mức nhằm kiểm soát chi phí, tiết kiệm tối đa các chi phí đầu vào, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh về giá trên thị trường.
- Xây dựng Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 thông qua để ban hành. Chỉ đạo xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT, Quy chế về công bố thông tin, Quy chế, Quy trình Kiểm toán nội bộ trình HĐQT thông qua và ban hành...
- củng cố năng lực tài chính của CIC39, thông qua việc tích lũy lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh và các hoạt động đầu tư. Chủ động huy động nguồn lực tài chính để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh và đầu tư trong năm 2021.



05

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	83
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc	95



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2020, HĐQT đã tổ chức thực hiện 7 phiên họp theo sự triệu tập của Chủ tịch HĐQT (gồm 5 phiên họp tập trung và 2 phiên lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản), có sự tham gia của Ban TGD điều hành, Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và các Tiểu ban trực thuộc HĐQT Công ty nhằm trao đổi, thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của HĐQT, kịp thời ban hành 20 Nghị quyết để triển khai cho Ban TGD thực hiện.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Nguyễn Lê Văn	Chủ tịch HĐQT (thành viên HĐQT độc lập)	7/7	100%
2	Võ Văn Lãnh	Thành viên HĐQT, kiêm TGD	7/7	100%
3	Trịnh Tiến Bảy	Thành viên HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	7/7	100%
4	Trần Văn Bình	Thành viên HĐQT, kiêm Phó TGD	7/7	100%
5	Nguyễn Hữu Nghĩa	Thành viên HĐQT (thành viên HĐQT độc lập)	6/7	86%



Cuộc họp HĐQT định kỳ

Trong năm, HĐQT đã đưa ra các quyết định, nghị quyết

Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung nghị quyết
Các Nghị quyết		
01/NQ - HĐQT	08/02/2020	Chọn ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông và ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020. Thông qua các nội dung dự kiến đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.
02/NQ - HĐQT	08/02/2020	Thông qua Kế hoạch và thành lập Ban tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.
03/NQ - HĐQT	08/02/2020	Thông qua mức thưởng lãnh đạo đơn vị cơ sở năm 2019 cho 11 trường hợp (1 xếp loại Tiên tiến và 10 xếp loại Hoàn thành). + Trưởng đơn vị xếp loại Hoàn thành (loại C): 100.000.000 đồng/12 tháng + Cấp Phó đơn vị bằng 70% cấp trưởng với xếp loại tương ứng + Trường hợp xếp loại Tiên tiến (loại B) mức thưởng tính theo xếp loại Hoàn thành nhân thêm hệ số 1,2. Trường hợp xếp loại Chưa hoàn thành không thưởng. + Số tháng công tác ứng với nhiệm vụ đảm trách chức vụ trong năm.
04/NQ - HĐQT	25/03/2020	Bổ nhiệm lại TGD, Phó TGD và Kế toán trưởng công ty: + Ông Võ Văn Lãnh, sinh năm 1963 tiếp tục giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty, thời hạn bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 26/04/2020 + Ông Trần Văn Bình, sinh năm 1965 tiếp tục giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty, thời hạn bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 10/05/2020 + Ông Nguyễn Xuân Hiếu, sinh năm 1982 tiếp tục giữ chức vụ Kế toán trưởng Công ty, thời hạn bổ nhiệm là 05 năm, kể từ ngày 10/05/2020
05/NQ - HĐQT	25/03/2020	Thông qua tài liệu và các nội dung trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020

Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung nghị quyết
		Thông qua các nội dung như sau: (1) Cho thuê quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ phường Thuận Giao, Thuận An, Bình Dương và phường Bình Chuẩn, Thuận An, Bình Dương. Diện tích đất cho thuê: 2.052,3 m ² . Giá cho thuê thấp nhất 30 triệu đồng/tháng (2) Chấp thuận cho Công ty đầu tư hợp tác khai thác đá với Công ty cổ phần Miền Đông (MDC) khu đất nằm trong ranh giới giấy phép khai thác của MDC...
06/NQ – HĐQT	25/03/2020	(3) Chấp thuận chủ trương cho Công ty nhận nhà và căn hộ dự án của Công ty CP Đầu tư LDG để thu hồi nợ với giá trị tối đa 40 tỷ đồng và chọn các dự án phù hợp được ngân hàng hỗ trợ tài trợ vốn đối ứng (4) Tiến hành các thủ tục bán ngay đất nền khu dân cư Nguyễn Văn Tiết để sử dụng nguồn vốn đầu tư vào các dự án khác sau khi xong thủ tục nghiệm thu hạ tầng... (5) Giao TGD Công ty chỉ đạo bộ phận chuyên môn sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý tài chính để trình HĐQT xem xét, góp ý và thông qua để ban hành
07/NQ – HĐQT	22/05/2020	Chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C để soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.
08/NQ – HĐQT	13/06/2020	Không đầu tư hợp tác khai thác đá với Công ty cổ phần Miền Đông (MDC) do thời gian thu hồi vốn quá dài, tính pháp lý không cao...
09/NQ – HĐQT	27/07/2020	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền chi trả cổ tức còn lại năm 2019 bằng tiền 12%/mệnh giá cho cổ đông hiện hữu. - Ngày đăng ký cuối cùng: 18/8/2020 (thứ Ba) - Ngày thanh toán: 10/9/2020 (thứ Năm)
10/NQ – HĐQT	27/07/2020	Thông qua Đơn đề nghị thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần CIC39 nhiệm kỳ 2019-2024 của ông Võ Văn Lãnh, sinh năm 1963 kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020.

Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung nghị quyết
11/NQ – HĐQT	27/07/2020	Thông qua kết quả bầu ông Nguyễn Lê Văn, sinh năm 1983 hiện là thành viên độc lập HĐQT giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần CIC39 nhiệm kỳ 2019-2024 kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020.
12/NQ – HĐQT	27/07/2020	<p>Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2019-2024:</p> <ol style="list-style-type: none"> Ông Nguyễn Lê Văn – Chủ tịch HĐQT phụ trách chung về các hoạt động của HĐQT theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Trưởng Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và thành viên Tiểu ban Nhân sự, lương thưởng, pháp lý. Ông Võ Văn Lãnh – Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Công ty, Trưởng Tiểu ban Chính sách phát triển. Ông Trần Văn Bình – Thành viên HĐQT, kiêm Phó Tổng Giám đốc, thành viên Tiểu ban Chính sách phát triển và thành viên Tiểu ban Nhân sự, lương thưởng, pháp lý. Ông Trịnh Tiến Bảy – Thành viên HĐQT không điều hành, thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ và thành viên Tiểu ban Chính sách phát triển. Ông Nguyễn Hữu Nghĩa – Thành viên độc lập HĐQT, Trưởng Tiểu ban Nhân sự, lương thưởng, pháp lý và thành viên Tiểu ban Kiểm toán nội bộ. <p>Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên HĐQT phụ trách các Tiểu ban thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về Quản trị công ty.</p> <p>Thành phần các Tiểu ban trực thuộc HĐQT:</p> <p>(1) Tiểu ban Kiểm toán nội bộ: - Ông Nguyễn Lê Văn - Chủ tịch HĐQT - Trưởng Tiểu ban - Ông Nguyễn Hữu Nghĩa - Thành viên HĐQT - Thành viên - Ông Trịnh Tiến Bảy - Thành viên HĐQT - Thành viên</p> <p>(2) Tiểu ban Nhân sự, lương thưởng và pháp lý: - Ông Nguyễn Hữu Nghĩa - Thành viên HĐQT - Trưởng Tiểu ban. - Ông Nguyễn Lê Văn - Chủ tịch HĐQT - Thành viên - Ông Trần Văn Bình - Thành viên HĐQT - Thành viên</p> <p>(3) Tiểu ban Chính sách phát triển: - Ông Võ Văn Lãnh — Thành viên HĐQT - Trưởng Tiểu ban - Ông Trần Văn Bình - Thành viên HĐQT - Thành viên - Ông Trịnh Tiến Bảy - Thành viên HĐQT - Thành viên</p> <p>Thù lao các thành viên HĐQT và Người phụ trách QTCT:</p> <ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch HĐQT hệ số: 1,14 Thành viên HĐQT, kiêm Trưởng tiểu ban hệ số: 0,80 Thành viên HĐQT, kiêm Thành viên tiểu ban hệ số: 0,60 Người phụ trách Quản trị công ty, kiêm Thư ký hệ số: 0,45 Chi tạm ứng thù lao hàng tháng: Chủ tịch HĐQT: 5.000.000 đồng/tháng Thành viên HĐQT: 4.000.000 đồng/tháng Người phụ trách QTCT: 3.000.000 đồng/tháng <p>Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020.</p>

Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung nghị quyết
------------------------------	------------------	---------------------

13/NQ-HĐQT 23/10/2020

Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tạm ứng cổ tức Công ty đợt 1 năm 2020 bằng tiền 12%/mệnh giá cho cổ đông hiện hữu.

- Ngày đăng ký cuối cùng: 18/11/2020 (thứ Tư)
- Ngày thanh toán: 10/12/2020 (thứ Năm)

14/NQ-HĐQT 23/10/2020

Thông qua các nội dung sau:

(1) Đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất công tròn theo công nghệ quay ép cho Xưởng bê tông Thanh Phước - XN công bê tông.

(2) Cho thuê quyền sử dụng đất tại địa chỉ phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương với diện tích đất cho thuê: 3.102,3 m², giá cho thuê thấp nhất 70 triệu đồng/lháng, thời hạn cho thuê tối đa 7 năm.

15/NQ-HĐQT 23/10/2020

Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) ước thực hiện năm 2020 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

Kết quả SXKD thực hiện năm 2020:

STT	Các chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	Năm 2020		
			KH	TH	(%) TH/KH
1	Doanh thu từ hoạt động SXKD	Triệu đồng	760.000	634.197	83%
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	91.000	77.650	85%
3	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	6.050	5.166	85%
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%/VĐL	24%	24%	100%

Kế hoạch SXKD năm 2021:

STT	Các chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	Năm 2021		
			Ước TH 2020	KH 2021	+/- KH21/so TH20
1	Doanh thu từ HĐ SXKD	Triệu đồng	634.197	610.000	-4%
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	77.650	69.000	-11%
3	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/CP	5.166	4.606	-11%
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức	%/VĐL	24%	24%	0%

Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung nghị quyết
------------------------------	------------------	---------------------

16/NQ-HĐQT 25/03/2020

(1) Thông qua quỹ lương thực hiện năm 2020 của Ban Tổng Giám đốc điều hành với tỉ lệ hoàn thành 03 chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận và năng suất lao động ước đạt 86,5%:

- Quỹ lương thực hiện của TGD là: 721.430.000 đồng
- Quỹ lương thực hiện của Phó TGD là: 527.197.000 đồng
- Quỹ lương thực hiện của Kế toán trưởng là: 432.857.000 đồng

(2) Kế hoạch quỹ lương năm 2021 của Ban Tổng Giám đốc điều hành trên cơ sở mức tiền lương thực hiện năm trước liền kề với tỉ lệ tăng trưởng và cơ cấu tỉ trọng các chỉ tiêu: doanh thu (40%), lợi nhuận (40%) và năng suất lao động (20%):

- Quỹ lương kế hoạch của Tổng Giám đốc: 677.915.000 đồng
- Quỹ lương kế hoạch của Phó Tổng Giám đốc: 495.398.000 đồng
- Quỹ lương kế hoạch của Kế toán trưởng: 406.748.000 đồng

Chi tạm ứng hằng tháng bằng 80% quỹ lương Kế hoạch được duyệt, khi quyết toán sẽ tính lại hệ số và quỹ lương thực tế.

17/NQ-HĐQT 04/01/2021

Thông qua chủ trương cho Công ty vay vốn và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và ủy quyền cho TGD ký kết các hợp đồng giao dịch năm 2021.

18/NQ-HĐQT 04/01/2021

Thông qua chủ trương cho Công ty vay vốn và thế chấp tài sản tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) – Chi nhánh Bình Dương để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và ủy quyền cho TGD ký kết các hợp đồng giao dịch năm 2021.

19/NQ-HĐQT 04/01/2021

Tạm ứng 80% quỹ thưởng Ban quản lý điều hành năm 2020 và thù lao HĐQT, Người phụ trách quản trị Công ty năm 2020 trên lợi nhuận sau thuế (theo BCTC riêng công ty mẹ) năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua, khi có kết quả kinh doanh chính thức đã được kiểm toán sẽ quyết toán và tính lại quỹ thưởng và thù lao thực tế.

Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung nghị quyết
		Thông qua đối tượng thưởng và mức thưởng lãnh đạo đơn vị cơ sở năm 2020 theo tờ trìnhh số 978/TTr-TGD ngày 29/12/2020 của Tổng Giám đốc như sau: (1) Đối tượng thưởng: Trưởng, phó các Phòng, Giám đốc, phó Giám đốc các Xí nghiệp trực thuộc Công ty, ngoại trừ Trưởng phòng Tài chính do Kế toán trưởng sẽ thưởng theo Ban quản lý điều hành Công ty. (2) Mức thưởng: - Trưởng đơn vị xếp loại hoàn thành: 100.000.000 đồng/người/12 tháng. - Cấp Phó đơn vị bằng 70% cấp trưởng với xếp loại tương ứng - Trường hợp xếp loại Xuất sắc mức thưởng tính theo xếp loại Hoàn thành nhân thêm hệ số 2,4. Trường hợp xếp loại Tiên tiến mức thưởng tính theo xếp loại Hoàn thành nhân thêm hệ số 1,2. Trường hợp xếp loại Chưa hoàn thành không thưởng. - Số tháng công tác ứng với nhiệm vụ đảm trách chức vụ trong năm
20/NQ-HĐQT	04/01/2021	

Các Quyết định

01/QĐ - HĐQT	19/05/2020	Quyết định bổ nhiệm lại TGD Công ty
02/QĐ - HĐQT	19/05/2020	Quyết định bổ nhiệm lại Phó TGD Công ty
03/QĐ - HĐQT	19/05/2020	Quyết định bổ nhiệm lại Kế toán trưởng Công ty
04/QĐ - HĐQT	22/05/2020	Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về QTCT
05/QĐ - HĐQT	19/06/2020	Quyết định ban hành Quy chế quản lý tài chính
06/QĐ - HĐQT	22/06/2020	Quyết định ban hành Quy chế bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao Công ty.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT

Tất cả các thành viên HĐQT trong năm tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận, bàn các giải pháp cụ thể nhằm giải quyết những vấn đề trọng tâm liên quan đến định hướng phát triển của CIC39; đưa ra những ý kiến đánh giá về chiến lược và chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020; thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của CIC39; Báo cáo kịp thời, đầy đủ với HĐQT các nội dung thông qua tại các cuộc họp và các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết, các tổ chức khác có vốn đầu tư của CIC39; báo cáo HĐQT các giao dịch giữa các bên có liên quan; công bố thông tin theo quy định khi giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ. Định kỳ, thành viên HĐQT độc lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định.

Ngoài ra, các thành viên HĐQT còn tham gia các Tiểu ban trực thuộc HĐQT, giúp HĐQT hoạch định những chính sách, chiến lược phát triển dài hạn; xây dựng chính sách về nhân sự, lương thưởng; giúp HĐQT kiểm soát tất cả các hoạt động của CIC39 trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT; cải tiến những điểm yếu từ hệ thống quản lý và quản trị doanh nghiệp; phân tích, kiểm tra, giám sát quy trình hoạt động của các phòng ban trong bộ máy kinh doanh, kiểm toán nội bộ và đưa ra những lời tư vấn giúp CIC39 hoạt động năng suất và hiệu quả...





HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC

Về hoạt động của TGD và người điều hành khác trong năm đã hoàn thành tốt vai trò của mình thể hiện qua các giải pháp điều hành kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT. Các chủ trương, chỉ đạo của HĐQT đưa ra được TGD triển khai đầy đủ, kịp thời và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; đã nỗ lực, thực hiện rất tốt nhiệm vụ được giao, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của CIC39; hệ thống tổ chức, kiểm soát và quản lý của CIC39 được duy trì tốt, đặc biệt là duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và đạt kết quả đáng khích lệ trong bối cảnh bị ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19. Thực hiện CBTT theo đúng quy định và chủ động công bố những thông tin khi có ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư hoặc các thông tin có ảnh hưởng đến giá chứng khoán của CIC39...

Trong năm, CIC39 đã vinh dự được Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định tặng Giải thưởng Chất lượng Quốc gia năm 2020; đạt Top 100 Doanh nghiệp bền vững năm 2020; đạt chuẩn công bố thông tin và đạt Top 3 Doanh nghiệp niêm yết có hoạt động IR tốt nhất năm 2020 được các định chế tài chính trong và ngoài nước bình chọn; Top 30 doanh nghiệp vốn nhỏ có Báo cáo thường niên vào vòng chung khảo và đạt Top 5 Doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất năm 2020 do Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, báo Đầu tư và Công ty Quản lý Quỹ Dragon Capital phối hợp thực hiện. Ngoài ra, CIC39 còn tích hợp và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; năm 2020, CIC39 được Trung tâm Chứng nhận phù hợp (Quacert) cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn, Sức khỏe nghề nghiệp theo Tiêu chuẩn ISO 45001:2018...

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty đã áp dụng mô hình Tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT từ ngày 26/04/2018 và thành lập các Tiểu ban để hỗ trợ các hoạt động của HĐQT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.

Ngoài ra CIC39 còn cung cấp thêm thông tin về tình hình sản xuất, kế hoạch, định hướng chiến lược kinh doanh, các phân tích, nhận định về triển vọng trong tương lai; thường xuyên đón tiếp các Nhà đầu tư, các Quỹ đầu tư, các Công ty Chứng khoán và các Cổ đông hiện hữu đến tìm hiểu về tình hình hoạt động, định hướng phát triển và cơ hội để đầu tư vào CIC39. Website của CIC39 có chuyên mục riêng về Quan hệ cổ đông (nhà đầu tư) và đăng tải đầy đủ thông tin cho nhà đầu tư dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận thông tin.

Danh sách thành viên của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

(1) Tiểu ban Kiểm toán nội bộ:

- Ông Nguyễn Lê Văn - Chủ tịch HĐQT (TV độc lập) - Trưởng Tiểu ban;
- Ông Nguyễn Hữu Nghĩa - Thành viên HĐQT độc lập - Thành viên;
- Ông Trịnh Tiến Bảy - Thành viên HĐQT không điều hành - Thành viên.

(2) Tiểu ban Nhân sự, lương thưởng và pháp lý:

- Ông Nguyễn Hữu Nghĩa - Thành viên HĐQT độc lập - Trưởng Tiểu ban;
- Ông Nguyễn Lê Văn - Chủ tịch HĐQT (TV độc lập) - Thành viên;
- Ông Trần Văn Bình - Thành viên HĐQT - Phó TGD - Thành viên.

(3) Tiểu ban Chính sách phát triển:

- Ông Võ Văn Lãnh - Thành viên HĐQT - TGD - Trưởng Tiểu ban;
- Ông Trần Văn Bình - Thành viên HĐQT - Phó TGD - Thành viên;
- Ông Trịnh Tiến Bảy - Thành viên HĐQT không điều hành - Thành viên.

Tiểu ban Kiểm toán nội bộ










Năm 2020, CIC39 chưa thành lập Bộ phận kiểm toán nội bộ (KTNB). Với vai trò độc lập và trách nhiệm được giao phụ trách Trưởng Tiểu ban KTNB, cùng với 2 thành viên HĐQT độc lập và không điều hành khác đại diện HĐQT trong việc định hướng và giám sát một số vấn đề quản trị về tài chính, rủi ro, kiểm soát và đặc biệt là trực tiếp KTNB và chịu trách nhiệm về chuyên môn, cùng với sự hỗ trợ, phối hợp và tương tác của Ban điều hành và các cấp quản lý vận hành khác với Tiểu ban KTNB để giảm thiểu các rủi ro, nâng cao hiệu suất kiểm soát và hiệu quả hoạt động nhằm đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ được giao. Thường xuyên trao đổi, báo cáo các kết quả kiểm toán, các đề xuất và khuyến nghị với HĐQT, Ban điều hành, các cấp quản lý vận hành khác một cách kịp thời để có được các giải pháp và kế hoạch hành động phù hợp.

Thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành CIC39 và thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua. Kiểm soát việc xây dựng, điều chỉnh và thực hiện các quy chế, quy định nội bộ của CIC39. Thẩm định Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, báo cáo tình hình kinh doanh, xem xét sổ sách kế toán và tài liệu khác của CIC39 nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính. Kiểm soát việc công bố thông tin, trình tự, thủ tục tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định hiện hành...












HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiểu ban chính sách phát triển

-  Giúp HĐQT hoạch định những chính sách và chiến lược phát triển dài hạn của Công ty;
-  Đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện chiến lược trong từng giai đoạn;
-  Tham mưu cho HĐQT, chỉ đạo, giám sát Công ty xây dựng kế hoạch, định hướng kinh doanh, các giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và 2021;
-  Tham gia với Công ty tiếp các nhà đầu tư đến tìm hiểu về tình hình hoạt động và cơ hội đầu tư vào Công ty...;
-  Tham gia tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020...;
-  Chỉ đạo Công ty tiếp tục tăng cường công tác tiếp thị, tiếp tục triển khai công tác quảng cáo sản phẩm của Công ty bằng công cụ tìm kiếm từ khóa trên google, tìm kiếm thông tin tiếp thị qua ứng dụng BCI;
-  Cập nhật nội dung hồ sơ giới thiệu Công ty, thiết kế và in hồ sơ tiếp thị các sản phẩm VLXD, gạch không nung;
-  Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị trực tiếp với các nhà thầu, Công ty xây dựng, tư vấn thiết kế, ban quản lý dự án các khu công nghiệp ở tỉnh Bình Dương, Bình Phước, Tây Ninh, Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, Long An;
-  Thực hiện gửi thư ngỏ, brochure các sản phẩm tiếp thị các khách hàng tiềm năng...

Tiểu ban Nhân sự, lương thưởng và pháp lý

-  Xây dựng chính sách về nhân sự, lương thưởng của Công ty và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện cho HĐQT; đề xuất nhân sự cấp cao cho bộ máy quản lý điều hành của Công ty;
-  Thẩm định đề án tuyển dụng, sử dụng và phát triển nhân sự do Ban Tổng Giám đốc đề trình và những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho công ty;
-  Thẩm định các quy chế quản lý, các văn bản hướng dẫn do Hội đồng quản trị ban hành hoặc phê chuẩn để ban hành; tư vấn pháp lý cho HĐQT, Tổng Giám đốc liên quan đến cách thức, trình tự, thủ tục thực hiện đầu tư vốn ra bên ngoài như mua bán, chuyển nhượng, chia tách, sáp nhập, liên doanh, liên kết doanh nghiệp, đầu tư tài chính...;
-  Tham mưu thay đổi Chủ tịch HĐQT theo quy định không được kiêm nhiệm chức danh TGD công ty từ ngày 01/8/2020;
-  Kiểm tra, giám sát và đôn đốc Công ty hoàn chỉnh Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi, bổ sung và thủ tục thay đổi tên Công ty, các chi nhánh theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2020 đã thông qua;
-  Giám sát việc thực hiện các quy định, quy chế, chính sách về nhân sự, tiền lương, thưởng; việc thực hiện các sáng kiến chiến lược liên quan đến mảng nhân sự tại Công ty;
-  Theo dõi việc thực hiện các kế hoạch đào tạo, tuyển dụng, đánh giá năng lực nhân viên theo quy định;
-  Đề xuất nhân sự tham gia vào HĐQT, BKS các Công ty bên ngoài có vốn đầu tư của Công ty;
-  Trình quyết toán lương, thưởng Ban TGD điều hành và thù lao HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021...



Dây chuyền sản xuất gạch không nung



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT (chưa khấu trừ thuế TNCN):

ĐVT: VNĐ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số tháng công tác	Thù lao
1	Nguyễn Lê Văn	Chủ tịch HĐQT (TV HĐQT độc lập) - Trưởng Tiểu ban KTNB	12	261.438.000
2	Võ Văn Lãnh	TV HĐQT - TGD	12	277.170.000
3	Trịnh Tiến Bảy	TV HĐQT - Phó TGD	12	166.580.000
4	Trần Văn Bình	TV HĐQT độc lập - Thành viên Tiểu ban KTNB	12	222.107.000
5	Nguyễn Hữu Nghĩa	TV HĐQT không điều hành - Thành viên Tiểu ban KTNB	12	166.580.000
Tổng cộng				1.093.875.000

Lương, thưởng của Tổng Giám đốc và các người quản lý khác trong bộ máy điều hành của công ty (chưa khấu trừ thuế TNCN):

ĐVT: VNĐ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số tháng công tác	Lương	Thưởng
1	Võ Văn Lãnh	TGD	12	791.695.000	677.116.000
2	Trần Văn Bình	Phó TGD	12	568.987.000	473.982.000
3	Nguyễn Xuân Hiếu	KTT	12	483.157.000	473.982.000
Tổng cộng				1.843.839.000	1.625.080.000

CÁC GIAO DỊCH KHÁC CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

Người thực hiện giao dịch	Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
AMERICA LLC	11/02/2020	1.651.327	10,99 %	1.822.487	12,12%	Đầu tư
Peter Eric Dennis	27/04/2020	1.095.438	8,02%	713.454	4,75%	Bán cổ phiếu

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ ĐẦU TƯ GÓP VỐN

(1) Công ty con: Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tiến Phước

Góp vốn bổ sung: 14.200.000.000 VND, nâng tổng số vốn đã góp lên 17.200.000.000 VND, tương đương 24,93% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải góp thêm là 38.000.000.000 VND, theo thỏa thuận của các cổ đông sáng lập CIC39 đăng ký số vốn góp trực tiếp là 55.200.000.000 VND chiếm 80% tổng vốn điều lệ (Công ty Tiến Phước hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, chưa có doanh thu).

(2) Công ty liên kết: Công ty cổ phần Bê tông Ly tâm Thủ Đức - Long An

- Mua thêm 1.854.956 cổ phiếu: 29.485.388.560 VND, nâng tổng số cổ phiếu nắm giữ 5.101.091 cổ phiếu, tương đương 42,38% vốn điều lệ;
- Cổ tức được chia: 3.246.135.000 VND;
- Bán hàng hóa, thành phẩm, cung cấp dịch vụ và thi công công trình: 1.661.666.829 VND;
- Mua hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ: 385.000.000 VND.

(3) Công ty liên kết: Công ty cổ phần Miền Đông (MDC)

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, CIC39 nắm giữ 3.485.150 cổ phiếu, tương đương 32,01% vốn điều lệ của MDC;
- Cổ tức được chia: 2.091.090.000 VND;
- Bán hàng hóa, thành phẩm, cung cấp dịch vụ và thi công công trình: 37.679.591.898 VND;
- Mua hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ: 101.750.009 VND.

(4) Cổ đông sáng lập: Hợp tác xã Phúc Tài

- Bán hàng hóa, thành phẩm: 45.430.368.421 đồng;
- Mua hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ: 69.000.311.993 đồng.

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



06

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trách nhiệm đối với môi trường	99
Trách nhiệm đối với người lao động	101
Trách nhiệm đối với xã hội và cộng đồng	103

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và khai thác đá, Công ty luôn ý thức được rằng hoạt động của Công ty phải gắn liền với việc bảo vệ môi trường. Đây yếu tố tiên quyết trong chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Trong quá trình sản xuất, khai thác và xây dựng, Công ty luôn chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật và không ngừng đổi mới công nghệ, giảm thiểu các chất thải phát sinh, tạo ra những sản phẩm là vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường như sản phẩm gạch Block của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty còn tiến hành các hoạt động nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động như: Hoạt động trồng cây xanh, nạo vét kênh mương, không sử dụng chai nhựa, tổ chức các hoạt động hưởng ứng Giờ Trái Đất và tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường, huấn luyện an toàn sử dụng hóa chất trong sản xuất.

Công ty Cổ phần CIC39 luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên song song phát triển kinh tế thông qua việc thực hiện thực tế và tuyên truyền sâu rộng đến cộng đồng.

Công ty luôn ý thức được tầm quan trọng của môi trường đối với sự sống và tương lai của nhân loại. Các hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của Công ty không chỉ bảo đảm chất lượng tốt mà còn đảm bảo vệ sinh môi trường. Hướng tới hình ảnh của một Công ty thân thiện với môi trường, Công ty luôn tôn trọng, thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn.



Đo tác động môi trường tại XN Cống bê tông



Đối với Công ty, con người là nguồn nhân lực cốt lõi vận hành bộ máy doanh nghiệp. Doanh nghiệp muốn phát triển bền vững bên cạnh định hướng chiến lược đúng đắn còn phải có nguồn nhân lực chất lượng, đặc biệt là những tổ chức kinh doanh có ngành nghề đặc thù như Công ty.

Chính vì vậy, bằng mọi nỗ lực của mình, Công ty phải tạo ra được một môi trường làm việc thân thiện, an toàn, không phân biệt đối xử, nơi mà mỗi cán bộ công nhân viên được phát huy hết năng lực, đổi mới và sáng tạo. Đồng thời, tạo ra cơ hội để công nhân viên được thăng tiến một cách công bằng, đảm bảo đầy đủ chính sách phúc lợi.

Với CIC39, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là sự đầu tư dài hạn, làm nền tảng cho các chiến lược phát triển lâu dài. Ngoài ra, Công ty luôn hướng đến việc mở rộng cơ hội để nhân viên thể hiện, khẳng định bản thân để vươn tới những vị trí cao hơn trong lộ trình nghề nghiệp. Các chính sách và quy định về thời gian làm việc và đãi ngộ của Công ty được xây dựng dựa trên tiêu chí đảm bảo quyền lợi và sức khỏe cao nhất cho người lao động.

Về chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, Công ty tổ chức khám chữa bệnh định kỳ, thăm khám bệnh nghề nghiệp cho cán bộ công nhân viên Công ty.



Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động





TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Trong suốt hành trình hình thành và phát triển, Công ty đã nhận thức được trách nhiệm của mình đối với cộng đồng địa phương không chỉ là những hoạt động tài trợ mà còn là ý thức ở việc đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn, không gây nguy hại đến cộng đồng và môi trường. Chính vì vậy, Công ty đã và đang tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển, tiến bộ thông qua các hoạt động thiện nguyện. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục nhận được sự tham gia đồng đạo của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ, nhân viên, cùng nhau chung tay tạo ra một cộng đồng phát triển và ổn định.

Tại CIC39, các chương trình trách nhiệm xã hội là hoạt động cần thiết và tiên quyết đối với sự phát triển bền vững của Công ty. Ban lãnh đạo cùng toàn thể CB - CNV luôn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển, tiến bộ.

Công ty luôn duy trì và phát triển công tác các hoạt động an sinh xã hội tại địa phương. Nâng cao trách nhiệm với cộng đồng luôn là sứ mệnh mà CIC39 thực hiện ngay từ khi mới thành lập, góp phần vào công cuộc bảo vệ an ninh trật tự xã hội tại địa phương.



Tặng học bổng học sinh vượt khó hiếu học



07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Ý kiến kiểm toán	107
Báo cáo tài chính được kiểm toán	108

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
 Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
 Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, St. No.13, Le Hong Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
 Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Số: 1.0999/21/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần CIC39 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 03 tháng 4 năm 2021, từ trang 07 đến trang 48, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc
 Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
 Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 4 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		489.073.472.602	430.996.731.153
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	90.427.262.563	67.504.283.675
1. Tiền	111		80.979.302.887	28.002.842.845
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.447.959.676	39.501.440.830
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		111.320.310.125	104.533.489.605
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	111.320.310.125	104.533.489.605
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		218.610.229.322	179.134.553.767
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	118.343.305.370	117.261.089.060
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	18.200.230.160	41.755.270.605
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	83.024.821.392	36.418.247.501
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(958.127.600)	(16.300.053.399)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	67.112.186.180	79.070.247.760
1. Hàng tồn kho	141		67.197.602.703	79.227.943.713
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(85.416.523)	(157.695.953)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.603.484.412	754.156.346
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	505.583.167	744.772.437
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		980.562.701	9.383.909
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	117.338.544	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		486.807.726.937	464.559.239.312
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		197.229.974.268	181.416.876.555
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	135.234.862.208	139.804.211.575
- Nguyên giá	222		269.941.213.320	256.132.235.931
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(134.706.351.112)	(116.328.024.356)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	61.995.112.060	41.612.664.980
- Nguyên giá	228		101.337.823.261	79.414.887.427
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(39.342.711.201)	(37.802.222.447)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	4.820.302.385	5.379.883.601
- Nguyên giá	231		8.331.392.116	8.331.392.116
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(3.511.089.731)	(2.951.508.515)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.193.394.735	25.724.284.603
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	2.193.394.735	25.724.284.603
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		214.535.197.257	185.369.117.831
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	130.880.161.543	107.969.423.629
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	66.629.694.202	66.629.694.202
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(224.658.488)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	17.250.000.000	10.770.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		68.028.858.292	66.669.076.722
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	68.028.858.292	66.058.143.290
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	610.933.432
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		975.881.199.539	895.555.970.465

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		425.615.849.859	383.721.854.880
I. Nợ ngắn hạn	310		382.985.782.359	337.421.263.380
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	16.562.216.645	27.232.750.374
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	52.239.905.309	25.820.228.584
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	4.788.421.771	17.411.389.595
4. Phải trả người lao động	314	V.17	10.468.833.766	10.256.475.776
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	30.404.287.004	32.627.567.682
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		14.545.449	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	8.025.008.546	11.137.287.446
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	249.531.557.501	210.149.867.165
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	4.280.600.880	594.328.619
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	6.670.405.488	2.191.368.139
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		42.630.067.500	46.300.591.500
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	42.630.067.500	46.300.591.500
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		550.265.349.680	511.834.115.585
I. Vốn chủ sở hữu	410		550.265.349.680	511.834.115.585
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.301.450.000	150.301.450.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.23	150.301.450.000	150.301.450.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	2.190.000.000	2.190.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	195.974.864.344	166.930.637.926
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	199.832.909.327	192.444.430.206
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		163.600.643.538	192.444.430.206
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		36.232.265.788	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.23	1.966.126.009	(32.402.547)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		975.881.199.539	895.555.970.465

Bình Dương, ngày 03 tháng 4 năm 2021

Đỗ Việt Cường
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng

Võ Văn Lãnh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	638.232.429.348	802.277.757.403
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	13.066.130	164.895.739
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	638.219.363.218	802.112.861.664
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	512.512.999.760	677.427.024.155
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		125.706.363.458	124.685.837.509
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	16.406.707.428	14.294.518.551
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	18.003.512.920	14.522.730.676
Trong đó: chi phí lãi vay	23		17.778.854.432	14.521.330.676
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	7.041.922.610	7.000.188.500
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	35.151.850.484	28.875.707.593
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	4.056.818.583	21.572.788.275
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		91.942.811.509	81.009.318.016
12. Thu nhập khác	31	VI.8	8.674.036.073	11.785.798.851
13. Chi phí khác	32	VI.9	163.221.700	835.374.842
14. Lợi nhuận khác	40		8.510.814.373	10.950.424.009
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		100.453.625.882	91.959.742.025
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	16.730.562.163	10.902.428.547
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	610.933.432	5.238.252.019
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		83.112.130.287	75.819.061.459
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		83.113.601.731	75.851.464.005
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(1.471.444)	(32.402.547)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	5.070	4.719
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	5.070	4.719

Bình Dương, ngày 03 tháng 4 năm 2021

Đỗ Việt Cường
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng

Võ Văn Lãnh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		100.453.625.882	91.959.742.025
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.11	24.081.455.787	22.864.360.697
- Các khoản dự phòng	03	V.2, V.6, V.7, V.21	(11.503.274.480)	469.115.659
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b, VI.4, VI.8	(23.637.428.318)	(21.437.571.445)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	17.778.854.432	14.521.330.676
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		107.173.233.303	108.376.977.612
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.333.729.974)	27.384.187.602
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.030.341.010	(19.298.085.924)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(2.862.763.539)	(9.519.970.919)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.731.525.732)	(134.058.521)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.19, VI.5	(17.802.643.209)	(14.408.417.689)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(17.049.736.514)	(10.937.238.871)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22	(2.756.917.927)	(18.657.605.388)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		59.666.257.418	62.805.787.902
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10, V.12, VII	(21.839.015.807)	(50.628.246.519)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.8	1.890.909.091	169.556.817
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(15.786.820.520)	(12.335.267.423)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.520.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	(29.485.388.560)	(42.624.273.920)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2b, V.5	2.657.311.539	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.5	21.656.471.351	14.913.453.091
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(38.386.532.906)	(90.504.777.954)

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.23	2.000.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	479.662.796.240	520.355.897.474
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(443.951.629.904)	(428.049.465.612)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19, V.23	(36.067.911.960)	(36.075.438.540)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.643.254.376	56.230.993.322
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		22.922.978.888	28.532.003.270
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	67.504.283.675	38.972.280.405
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	90.427.262.563	67.504.283.675

Đỗ Việt Cường
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 03 tháng 4 năm 2021

Võ Văn Lân
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần CIC39 (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, xây dựng, thương mại, kinh doanh bất động sản và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất đá, bê tông, gạch; Xây dựng các công trình; Mua bán vật liệu xây dựng; Kinh doanh bất động sản; Cho thuê xe, cho thuê công cụ dụng cụ xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2020, Công ty đã hết thời hạn khai thác mỏ đá Tân Đông Hiệp kéo theo doanh thu biến động giảm. Tuy nhiên lợi nhuận tăng chủ yếu là do hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Công ty con

Trong năm 2019, Công ty đã tham gia góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Khoáng sản Xây dựng Tiên Phước có trụ sở chính tại Khu Công nghiệp Nam Đồng Phú, Xã Tân Lập, Huyện Đồng Phú, Tỉnh Bình Phước. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác, chế biến đá. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ tại công ty con này là 80%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích là 83,38% (bao gồm tỷ lệ sở hữu trực tiếp là 80% và tỷ lệ sở hữu gián tiếp là 3,38%).

6b. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ phần sở hữu		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Miền Đông	Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.	Sản xuất khai thác đá, kinh doanh bất động sản và hoạt động thi công xây lắp.	33,76%	33,76%	33,76%	33,76%
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An (*)	Áp 3, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	Kinh doanh vật liệu xây dựng	42,38%	24,33%	42,38%	24,33%

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Trong năm, Tập đoàn đã ghi nhận giảm khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An với giá trị là 6.125.565.000 VND tương đương 421.133 cổ phiếu do giao dịch mua cổ phần năm 2016 và nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2017 bị hủy. Ngoài ra, Công ty cũng đã mua thêm 1.854.956 cổ phiếu với giá mua là 29.485.388.560 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 5.101.091 cổ phiếu, tương đương 42,38% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An (số đầu năm là 3.667.268 cổ phiếu, tương đương 24,33% vốn điều lệ).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 265 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 269 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiệt, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiệt, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, quyền sử dụng đất, tiền thuê đất và chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Quyền sử dụng đất có thời hạn

Quyền sử dụng đất có thời hạn là khoản tiền chuyển nhượng đã trả và tiền thuê đất trả trước cho phần đất mà Tập đoàn đang sử dụng. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo thời hạn qui định trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước là khoản tiền thuê đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn quyền sử dụng đất (42 – 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 08 năm.

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tập đoàn được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà	25
Cơ sở hạ tầng	06 - 15

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được ước tính một cách đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Tập đoàn chỉ có dự phòng bảo hành công trình xây dựng.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành 0,19% trên tổng giá trị công trình bảo hành đối với công trình dân dụng, và bằng 0,45% trên tổng giá trị công trình hạ tầng. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Tập đoàn đã là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tập đoàn đã đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Tập đoàn đã thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiêt, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiêt, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.410.725.014	536.052.549
Tiền gửi ngân hàng	79.568.577.873	27.466.790.296
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	9.447.959.676	39.501.440.830
Cộng	90.427.262.563	67.504.283.675

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	111.320.310.125	111.320.310.125	104.533.489.605	104.533.489.605
Dài hạn				
Trái phiếu (**)	17.250.000.000	17.250.000.000	10.770.000.000	10.770.000.000
Cộng	128.570.310.125	128.570.310.125	115.303.489.605	115.303.489.605

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn thời hạn 12 tháng. Toàn bộ khoản tiền gửi này đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay thấu chi từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (xem thuyết minh số V.20).

(**) Trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam phát hành. Toàn bộ các trái phiếu này đã được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay thấu chi từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.20)

	Năm phát hành	Kỳ hạn (năm)	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2018	10 năm	1.980.000.000	1.980.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2018		-	2.520.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2019	7 năm	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2019	10 năm	1.270.000.000	1.270.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2020	7 năm	3.000.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	2019	7 năm	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	2020	10 năm	6.000.000.000	-
Cộng			17.250.000.000	10.770.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An (*)	78.733.792.015	1.852.045.478	55.373.968.455	3.374.535.129
Công ty Cổ phần Miền Đông	42.218.832.208	8.075.491.842	42.218.832.208	7.002.087.837
Cộng	120.952.624.223	9.927.537.320	97.592.800.663	10.376.622.966

(*) Trong năm, Tập đoàn đã ghi nhận giảm khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An với giá trị là 6.125.565.000 VND tương đương 421.133 cổ phiếu do giao dịch mua cổ phần năm 2016 và nhận cổ tức bằng cổ phiếu năm 2017 bị hủy. Ngoài ra, Tập đoàn cũng đã mua thêm 1.854.956 cổ phiếu với giá mua là 29.485.388.560 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 5.101.091 cổ phiếu, tương đương 42,38% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An (số đầu năm là 3.667.268 cổ phiếu, tương đương 24,33% vốn điều lệ).

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Góp vốn trong năm	Phần lãi hoặc lỗ trong năm	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong năm	Các khoản khác	Giá trị phần sở hữu cuối năm
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An	58.748.503.584	23.359.823.560	4.383.288.319	(3.246.135.000)	(2.659.642.970)	80.585.837.493
Công ty Cổ phần Miền Đông	49.220.920.045	-	2.658.634.291	(2.091.090.000)	505.859.714	50.294.324.050
Cộng	107.969.423.629	23.359.823.560	7.041.922.610	(5.337.225.000)	(2.153.783.256)	130.880.161.543

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An		
Cổ tức được chia	3.246.135.000	-
Công ty Cổ phần Miền Đông		
Doanh thu bán hàng hóa	4.067.099.022	22.801.498.782
Doanh thu bán thành phẩm	1.653.050.624	204.923.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	51.515.455	211.715.900
Doanh thu hợp đồng xây dựng	27.975.839.252	98.348.780.614
Thanh lý tài sản cố định	450.000.000	-
Mua nguyên vật liệu	59.113.162	2.051.209.872
Mua dịch vụ	33.386.846	-
Chia cổ tức	1.296.408.000	1.200.000.000
Cổ tức được chia	2.091.090.000	1.394.060.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Bình Dương (a)	200.887.800	(200.887.800)	200.887.800	-
Công ty Cổ phần Hoá An (b)	49.553.806.402	-	49.553.806.402	-
Công ty Cổ phần BOT đường Đồng Phú - Bình Dương (c)	16.875.000.000	(23.770.688)	16.875.000.000	-
Cộng	66.629.694.202	(224.658.488)	66.629.694.202	-

- (a) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 18.098 cổ phiếu, tương đương 3,52% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Tổng hợp Bình Dương.
- (b) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn nắm giữ 1.991.550 cổ phiếu, tương đương 13,17% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Hóa An (số đầu năm là 1.991.550 cổ phiếu, tương đương 13,17% vốn điều lệ).
- (c) Tập đoàn đã đăng ký mua 3.375.000 cổ phần với giá mua là 33.750.000.000 (chiếm 15% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần BOT Đồng Phú - Bình Dương). Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn đã nắm giữ 1.687.500 cổ phiếu với giá trị là 16.875.000.000 VND. Vốn điều lệ còn lại phải đầu tư là 16.875.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng	224.658.488	-
Số cuối năm	224.658.488	-

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên liên quan	55.439.659.077	74.265.367.365
Công ty Cổ phần Miền Đông	55.439.659.077	74.265.367.365
Phải thu các khách hàng khác	62.903.646.293	42.995.721.695
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP. Dĩ An	8.664.155.012	4.935.481.825
Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng TP. Thuận An	12.407.698.023	2.842.495.000
Các khách hàng khác	41.831.793.258	35.217.744.870
Cộng	118.343.305.370	117.261.089.060

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<u>2.442.616.154</u>		<u>2.614.532.301</u>	
Hợp tác xã Phúc Tài	2.442.616.154		2.614.532.301	
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<u>15.757.614.006</u>		<u>39.140.738.304</u>	
Ông Trần Hữu Nghĩa	2.042.859.440		30.725.000.000	
Công ty Cổ phần máy CNC Hà Nội	4.094.132.800		-	
Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Thương mại Phú Đông Phát	2.703.969.975		21.595.500	
Các nhà cung cấp khác	6.916.651.791		8.394.142.804	
Cộng	<u>18.200.230.160</u>		<u>41.755.270.605</u>	

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<u>8.848.793.461</u>	-	<u>5.380.540.000</u>	-
Ông Trần Văn Bình - Tạm ứng	5.380.540.000	-	5.380.540.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức - Long An - Phải thu tiền vốn cổ phần bị hủy	3.468.253.461	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<u>74.176.027.931</u>	-	<u>31.037.707.501</u>	-
Lãi dự thu	4.374.775.962	-	4.314.492.305	-
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.725.329.068	-	6.724.526.519	-
Tạm ứng	63.023.477.164	-	19.271.608.747	-
Phải thu bảo hiểm	3.059.509	-	6.695.396	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	49.386.228	-	720.384.534	-
Cộng	<u>83.024.821.392</u>	-	<u>36.418.247.501</u>	-

6. Nợ xấu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Ông Trần Hữu Nghĩa</i>						
Trả trước cho người bán Công ty TNHH Quang Phước		-	-	Từ 01 đến 02 năm	30.725.000.000	15.362.500.000
<i>Doanh nghiệp tư nhân Xuân Loan</i>						
Phải thu tiền bán hàng	Quá 03 năm	264.782.117	-	Quá 03 năm	264.782.117	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>						
Phải thu tiền bán hàng	Quá 03 năm	200.366.498	-	Quá 03 năm	200.366.498	-
Phải thu tiền bán hàng	Quá 03 năm	405.996.151	-	Quá 03 năm	325.396.866	-
Phải thu tiền bán hàng	Từ 02 đến 03 năm	76.315.351	22.894.605	Từ 2 đến 3 năm	112.621.493	33.786.448
Phải thu tiền bán hàng	Từ 01 đến 02 năm	63.517.094	31.758.547	Từ 01 đến 02 năm	14.550.124	7.275.062
Phải thu tiền bán hàng	Dưới 01 năm	6.011.804	4.208.263	Dưới 01 năm	202.992.696	142.094.885
Cộng		<u>1.016.989.015</u>	<u>58.861.415</u>		<u>31.845.709.794</u>	<u>15.545.656.395</u>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	16.300.053.399	16.234.881.189
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng	(15.341.925.799)	65.172.210
Số cuối năm	<u>958.127.600</u>	<u>16.300.053.399</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.748.115.855	(10.671.302)	9.568.804.514	(21.839.062)
Công cụ, dụng cụ	497.723.431	-	497.723.431	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	6.117.702.499	-	27.192.284.845	-
Thành phẩm	46.770.678.471	(74.745.221)	40.406.517.259	(135.856.891)
Hàng hóa	63.382.447	-	1.562.613.664	-
Cộng	<u>67.197.602.703</u>	<u>(85.416.523)</u>	<u>79.227.943.713</u>	<u>(157.695.953)</u>

Thành phẩm là bất động sản tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 26.116.503.727 VND (số đầu năm là 23.745.260.285 VND) đã được dùng thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương (xem thuyết minh số V.20).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	157.695.953	253.253.625
Hoàn nhập dự phòng	(72.279.430)	(95.557.672)
Số cuối năm	<u>85.416.523</u>	<u>157.695.953</u>

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	481.079.589	336.435.942
Chi phí sửa chữa tài sản	19.776.304	238.884.826
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.727.274	169.451.669
Cộng	<u>505.583.167</u>	<u>744.772.437</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	5.385.831.289	3.006.620.624
Quyền sử dụng đất thuê Thạnh Phước	46.591.496.851	47.617.364.671
+ Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất	40.907.397.691	41.808.111.031
+ Tiền thuê đất trả 1 lần	5.684.099.160	5.809.253.640
Tiền thuê đất trả 1 lần	14.146.880.897	14.480.233.997
Chi phí sửa chữa tài sản	1.301.684.194	527.648.048
Các chi phí trả trước dài hạn khác	602.965.061	426.275.950
Cộng	<u>68.028.858.292</u>	<u>66.058.143.290</u>

Một số khoản chi phí trả trước dài hạn là quyền sử dụng đất và tiền thuê đất trả 1 lần có giá trị còn lại theo sổ sách là 58.801.151.274 VND (số đầu năm là 60.107.169.438 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương và đảm bảo cho các thư bảo lãnh tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội (xem thuyết minh số V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	66.070.247.833	139.085.536.593	49.614.375.689	1.362.075.816	256.132.235.931
Mua trong năm	-	6.718.376.937	4.999.037.928	-	11.717.414.865
Đầu tư XD/CB hoàn thành	7.369.554.976	-	-	-	7.369.554.976
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.803.682.252)	(3.474.310.200)	-	(5.277.992.452)
Phân loại lại	-	500.000.000	(500.000.000)	-	-
Số cuối năm	73.439.802.809	144.500.231.278	50.639.103.417	1.362.075.816	269.941.213.320
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	8.173.642.773	37.975.716.355	12.325.579.035	1.362.075.816	59.837.013.979
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	20.058.960.945	64.276.898.553	30.687.880.073	1.304.284.785	116.328.024.356
Khấu hao trong năm	5.820.326.018	12.658.060.761	3.445.208.007	57.791.031	21.981.385.817
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.552.501.181)	(2.050.557.880)	-	(3.603.059.061)
Phân loại lại	-	125.231.473	(125.231.473)	-	-
Số cuối năm	25.879.286.963	75.507.689.606	31.957.298.727	1.362.075.816	134.706.351.112
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	46.011.286.888	74.808.638.040	18.926.495.616	57.791.031	139.804.211.575
Số cuối năm	47.560.515.846	68.992.541.672	18.681.804.690	-	135.234.862.208
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 14.433.564.943 VND (số đầu năm là 9.480.108.910 VND) đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.20).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	78.581.967.427	832.920.000	79.414.887.427
Mua trong năm	21.922.935.834	-	21.922.935.834
Số cuối năm	100.504.903.261	832.920.000	101.337.823.261
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	24.867.893.735	481.920.000	25.349.813.735
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	37.064.313.197	737.909.250	37.802.222.447
Khấu hao trong năm	1.469.822.086	70.666.668	1.540.488.754
Số cuối năm	38.534.135.283	808.575.918	39.342.711.201
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	41.517.654.230	95.010.750	41.612.664.980
Số cuối năm	61.970.767.978	24.344.082	61.995.112.060
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 30.231.814.240 VND (số đầu năm là 31.183.534.156 VND) đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.20).

11. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.374.299.499	957.092.617	8.331.392.116
Số cuối năm	7.374.299.499	957.092.617	8.331.392.116
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.498.033.759	453.474.756	2.951.508.515
Khấu hao trong năm	400.065.780	159.515.436	559.581.216
Số cuối năm	2.898.099.539	612.990.192	3.511.089.731
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	4.876.265.740	503.617.861	5.379.883.601
Số cuối năm	4.476.199.960	344.102.425	4.820.302.385

Bất động sản đầu tư cho thuê có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.676.553.060 VND (số đầu năm là 1.809.915.240 VND) đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương (xem thuyết minh số V.20).

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà	7.374.299.499	2.898.099.539	4.476.199.960
Cơ sở hạ tầng	957.092.617	612.990.192	344.102.425
Cộng	8.331.392.116	3.511.089.731	4.820.302.385

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	21.922.935.834	-	(21.922.935.834)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	3.801.348.769	5.761.600.942	(7.369.554.976)	2.193.394.735
Công trình xưởng Bê tông Thạch Phước - giai đoạn 2	2.544.338.622	2.375.337.362	(4.483.627.338)	436.048.646
Công trình xưởng gạch Thuận Giao	344.500.531	1.138.908.905	(391.959.702)	1.091.449.734
Công trình khác	912.509.616	2.247.354.675	(2.493.967.936)	665.896.355
Cộng	25.724.284.603	5.761.600.942	(29.292.490.810)	2.193.394.735

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	610.933.432	5.849.185.451
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(610.933.432)	(5.238.252.019)
Số cuối năm	-	610.933.432

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>76.965.248</i>	<i>66.469.293</i>
Công ty Cổ phần Miền Đông	76.965.248	66.469.293
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>16.485.251.397</i>	<i>27.166.281.081</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng B.M.T	-	2.177.717.000
Công ty Cổ phần Thương mại Vận tải và Thi công cơ giới Hợp Nhân	2.772.741.100	1.932.218.460
Công ty TNHH MTV Hoàng Phương Đông	1.811.847.027	643.704.474
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hùng Ngọc Dương	1.702.899.776	-
Các nhà cung cấp khác	10.197.763.494	22.412.641.147
Cộng	16.562.216.645	27.232.750.374

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng TP. Thuận An	32.352.000.000	16.500.000.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Huyện Dầu Tiếng	2.390.488.000	2.732.247.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng Thị xã Bến Cát	6.196.985.000	-
Các khách hàng khác	11.300.432.309	6.587.981.584
Cộng	52.239.905.309	25.820.228.584

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.263.317.265	-	18.465.536.256	(21.728.853.521)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.851.254.103	-	16.730.562.163	(17.049.736.514)	4.532.079.752	-
Thuế thu nhập cá nhân	970.261.457	-	1.393.565.678	(2.481.165.679)	-	117.338.544
Thuế tài nguyên	6.260.569.000	-	1.235.548.600	(7.312.143.300)	183.974.300	-
Thuế khác	-	-	63.355.612	(63.355.612)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.065.987.770	-	439.794.073	(2.433.414.124)	72.367.719	-
- Phí bảo vệ môi trường	2.065.987.770	-	430.499.238	(2.424.119.289)	72.367.719	-
- Phải nộp khác	-	-	9.294.835	(9.294.835)	-	-
Cộng	17.411.389.595	-	38.328.362.382	(51.068.668.750)	4.788.421.771	117.338.544

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	16.708.512.163	10.902.428.547
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	22.050.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	16.730.562.163	10.902.428.547

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá với mức thuế suất 10% trên giá trị tính thuế.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tạm tính giá vốn trong hoạt động xây lắp	27.754.995.768	18.830.736.025
Chi phí phục hồi môi trường mỏ đá	363.058.390	4.250.308.734
Chi phí thuê đất	-	7.525.603.470
Chi phí hỗ trợ địa phương tại mỏ đá Tân Đông Hiệp	1.639.949.999	1.639.949.999
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	646.282.847	380.969.454
Cộng	30.404.287.004	32.627.567.682

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	90.184.560	96.519.140
Cổ tức phải trả	29.827.895	25.391.855
Phải trả tiền tạm giữ bảo hành công trình của các đội thi công, thầu phụ	5.302.192.878	9.587.161.237
Thù lao Hội đồng quản trị	1.218.809.660	-
Lãi vay phải trả	270.992.127	294.780.904
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.113.001.426	1.133.434.310
Cộng	8.025.008.546	11.137.287.446

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay

20a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	238.469.917.501	199.930.079.165
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển - CN Nam Bình Dương ⁽ⁱ⁾	220.976.161.177	199.930.079.165
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - CN Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	17.493.756.324	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	11.061.640.000	10.219.788.000
Cộng	249.531.557.501	210.149.867.165

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 VND với lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay từng khoản nợ tối đa không quá 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp số dư khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, trái phiếu ngân hàng cùng một số tài sản khác gồm: thành phẩm bất động sản, chi phí trả trước là quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư (xem thuyết minh số V.2a, V.7, V.8, V.9, V.10 và V.11).

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động với hạn mức tín dụng là 80.000.000.000 VND với lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng một số tài sản gồm: trái phiếu ngân hàng, chi phí trả trước là quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình (xem thuyết minh số V.2a, V.8, V.9 và V.10).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết phát sinh của khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	199.930.079.165	471.302.796.240	-	(432.762.957.904)	238.469.917.501
Vay dài hạn đến hạn trả	10.219.788.000	-	11.760.524.000	(10.918.672.000)	11.061.640.000
Số cuối năm	210.149.867.165	471.302.796.240	11.760.524.000	(443.681.629.904)	249.531.557.501

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển - CN Nam Bình Dương ⁽ⁱ⁾	5.710.000.000	-
Vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - CN Bình Dương ⁽ⁱⁱ⁾	36.920.067.500	46.300.591.500
Cộng	42.630.067.500	46.300.591.500

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Bình Dương với mục đích hoàn vốn đầu tư máy móc thiết bị để sản xuất gạch không nung, mua phương tiện vận tải. Thời hạn 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên với lãi suất vay thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.9).

⁽ⁱⁱ⁾ Khoản vay trung và dài hạn Ngân hàng Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để mua sắm tài sản cố định và đầu tư dự án Xưởng Thanh Phước. Thời hạn vay lần lượt là 5 năm và 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên với lãi suất vay thả nổi. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng một số tài sản gồm: chi phí trả trước là quyền sử dụng đất, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình (xem thuyết minh số V.8, V.9 và V.10).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	11.061.640.000	10.219.788.000
Trên 01 năm đến 05 năm	32.143.600.000	29.220.232.000
Trên 05 năm	10.486.467.500	17.080.359.500
Cộng	53.691.707.500	56.520.379.500

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	46.300.591.500	41.810.828.000
Số tiền vay phát sinh	8.360.000.000	15.194.480.500
Số tiền vay đã trả	(270.000.000)	(484.929.000)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(11.760.524.000)	(10.219.788.000)
Số cuối năm	42.630.067.500	46.300.591.500

20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	594.328.619	94.827.498
Tăng do trích lập	5.717.987.463	574.491.489
Số sử dụng	(2.031.715.202)	(74.990.368)
Số cuối năm	4.280.600.880	594.328.619

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	850.570.824	2.426.107.907	(1.186.752.400)	-	2.089.926.331
Quỹ phúc lợi	430.347.070	2.952.452.541	(373.400.000)	-	3.009.399.611
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	910.450.245	2.151.424.179	(1.196.765.527)	(294.029.351)	1.571.079.546
Cộng	2.191.368.139	7.529.984.627	(2.756.917.927)	(294.029.351)	6.670.405.488

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Hóa An	17.851.010.000	17.851.010.000
America LLC	70.000	16.690.070.000
Peter Eric Dennis	40.000	12.220.640.000
PYN Elite Fund	11.018.480.000	11.018.480.000
Các cổ đông khác	121.431.850.000	92.521.250.000
Cộng	150.301.450.000	150.301.450.000

23c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.030.145	15.030.145
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.030.145	15.030.145
- Cổ phiếu phổ thông	15.030.145	15.030.145
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.030.145	15.030.145
- Cổ phiếu phổ thông	15.030.145	15.030.145
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Tập đoàn đã phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích trong năm trước	Số trích trong năm nay
• Chia cổ tức cho các cổ đông	36.072.348.000	18.036.174.000	18.036.174.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	19.006.738.111	11.901.085.565	7.105.652.546
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.519.766.317	2.203.904.734	1.315.861.583
• Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty	1.407.906.527	881.561.894	526.344.633

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ngoài ra, Tập đoàn cũng đã thực hiện tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2020 theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 13/NQ-HĐQT ngày 23 tháng 10 năm 2020 và tạm trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2020 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020 được thông qua bởi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 như sau:

• Chia cổ tức cho các cổ đông	18.036.174.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	21.938.573.872
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.062.698.865
• Trích Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành công ty	1.625.079.546
• Trích Thù lao Hội đồng quản trị	1.218.809.660

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

24a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	480.000.000	648.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	880.000.000	1.320.000.000
Cộng	1.360.000.000	1.968.000.000

24b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm	Nguyên nhân xóa sổ
Công ty TNHH Xây dựng Vân Hải	484.735.894	484.735.894	Không có khả năng thu hồi
Công ty TNHH MTV Xây dựng Sắt thép Tiên Phát	660.504.913	660.504.913	Không có khả năng thu hồi
Các đối tượng khác	1.149.413.384	1.149.413.384	Không có khả năng thu hồi
Cộng	2.294.654.191	2.294.654.191	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	195.900.092.341	307.052.884.894
Doanh thu bán thành phẩm	261.096.586.496	250.149.565.326
Doanh thu cung cấp dịch vụ	25.280.509.324	43.439.856.374
Doanh thu kinh doanh bất động sản	1.184.454.552	1.271.647.719
Doanh thu hợp đồng xây dựng	154.770.786.635	200.363.803.090
Cộng	638.232.429.348	802.277.757.403

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Hợp tác xã Phúc Tài như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	4.863.740.015	6.075.012.555
Doanh thu bán các thành phẩm	27.257.708.000	37.904.880.821
Doanh thu dịch vụ	9.178.886.909	14.933.911.336

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại.

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	158.256.058.001	253.350.744.011
Giá vốn của thành phẩm đã bán	195.327.009.376	187.430.004.968
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	21.691.411.082	38.399.926.117
Giá vốn kinh doanh bất động sản	559.581.216	559.581.216
Giá vốn của hoạt động xây dựng	136.751.219.515	197.782.325.515
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(72.279.430)	(95.557.672)
Cộng	512.512.999.760	677.427.024.155

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	27.177.420	26.692.423
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	8.228.336.008	8.087.161.434
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.970.425.000	5.715.428.694
Lãi đầu tư trái phiếu	1.180.769.000	465.236.000
Cộng	16.406.707.428	14.294.518.551

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	17.778.854.432	14.521.330.676
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	1.400.000
Dự phòng tổn thất đầu tư	224.658.488	-
Cộng	18.003.512.920	14.522.730.676

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.378.774.726	1.841.675.882
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	35.740.556
Chi phí khấu hao tài sản cố định	219.965.608	106.568.738
Chi phí dịch vụ vận chuyển	23.694.392.182	17.938.963.195
Các chi phí khác	9.858.717.968	8.952.759.222
Cộng	35.151.850.484	28.875.707.593

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.186.353.344	13.068.114.747
Chi phí vật liệu quản lý	93.955.749	244.218.491
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.421.817.115	1.097.463.310
Thuế, phí và lệ phí	18.817.180	21.232.814
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	(15.341.925.799)	65.172.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.659.277.393	2.168.605.014
Chi phí bằng tiền khác	5.018.523.601	4.907.981.689
Cộng	4.056.818.583	21.572.788.275

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	215.975.700	169.556.817
Nhập thu hồi đá rơi vãi từ mỏ	6.841.913.635	-
Cho thuê đất và nhà tại Thuận Giao	218.133.080	92.885.746
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	195.041.043	83.543.306
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được miễn	-	10.869.092.730
Thu nhập khác	1.202.972.615	570.720.252
Cộng	8.674.036.073	11.785.798.851

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hành chính	129.170.000	337.908.000
Chi phí khảo sát thăm dò đá xây dựng	-	488.900.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	5.924.835	-
Chi phí khác	28.126.865	8.566.842
Cộng	163.221.700	835.374.842

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	83.113.601.731	75.851.464.005
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(5.687.778.411)	(4.927.672.844)
Trích thù lao Hội đồng quản trị	(1.218.809.660)	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	76.207.013.660	70.923.791.162
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	15.030.145	15.030.145
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	5.070	4.719

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	155.299.235.189	218.934.718.954
Chi phí nhân công	52.756.532.696	59.445.971.417
Chi phí khấu hao tài sản cố định	24.081.455.787	22.864.360.697
Chi phí dịch vụ mua ngoài	134.888.007.803	144.011.218.832
Chi phí khác	8.184.996.624	55.748.157.241
Cộng	375.210.228.099	501.004.427.141

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại thời điểm cuối năm tài chính, Tập đoàn phát sinh khoản trả trước tiền mua sắm tài sản cố định là 4.360.000.000 VND (số đầu năm 0 VND).

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	2.364.636.361	1.014.454.542
Trên 01 năm đến 05 năm	6.634.909.091	3.970.454.542
Cộng	8.999.545.452	4.984.909.084

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức danh	Lương	Thưởng	Thù lao	Cộng
Năm nay					
Hội đồng quản trị					
Ông Võ Văn Lãn	Chủ tịch	-	-	84.053.505	84.053.505
Ông Nguyễn Lê Văn	Chủ tịch	-	-	25.000.000	25.000.000
Ông Trần Văn Bình	Thành viên	-	-	75.659.740	75.659.740
Ông Võ Văn Lãn	Thành viên	-	-	20.000.000	20.000.000
Ông Nguyễn Lê Văn	Thành viên	-	-	64.879.653	64.879.653
Ông Nguyễn Hữu Nghĩa	Thành viên	-	-	72.586.435	72.586.435
Ông Trịnh Tiến Bảy	Thành viên	-	-	66.439.826	66.439.826

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Chức danh	Lương	Thưởng	Thù lao	Cộng
Ban điều hành					
Ông Võ Văn Lãn	Tổng Giám đốc	791.695.000	491.683.200	-	1.283.378.200
Ông Trần Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc	568.987.000	444.269.921	-	1.013.256.921
Người quản lý khác					
Ông Nguyễn Xuân Hiếu	Kế toán trưởng	483.157.000	424.441.984	-	907.598.984
Lữ Minh Quân	Người phụ trách Quản trị Công ty	-	-	53.244.805	53.244.805
Cộng		1.843.839.000	1.360.395.105	461.863.964	3.666.098.069
Năm trước					
Hội đồng quản trị					
Ông Võ Văn Lãn	Chủ tịch	-	-	343.815.000	343.815.000
Ông Trần Văn Bình	Thành viên	-	-	180.955.000	180.955.000
Ông Nguyễn Lê Văn	Thành viên	-	-	254.319.000	254.319.000
Ông Nguyễn Hữu Nghĩa	Thành viên	-	-	32.000.000	32.000.000
Ông Trịnh Tiến Bảy	Thành viên	-	-	32.000.000	32.000.000
Bà Lê Thị Quyết	Thành viên	-	-	235.287.000	235.287.000
Ông Thượng Văn Huyện	Thành viên	-	-	148.955.000	148.955.000
Ban điều hành					
Ông Võ Văn Lãn	Tổng Giám đốc	700.096.400	791.368.994	-	1.491.465.394
Ông Trần Văn Bình	Phó Tổng Giám đốc	512.619.600	553.958.295	-	1.066.577.895
Người quản lý khác					
Ông Nguyễn Xuân Hiếu	Kế toán trưởng	433.125.100	503.598.450	-	936.723.550
Ông Lữ Minh Quân	Người phụ trách Quản trị Công ty	-	-	-	-
Cộng		1.645.841.100	1.848.925.739	1.227.331.000	4.722.097.839

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Miền Đông	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bê tông ly tâm Thủ Đức – Long An	Công ty liên kết
Hợp tác xã Phúc Tài	Cổ đồng

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác Hợp tác xã Phúc Tài với như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa (đá thành phẩm)	43.795.386.982	62.354.635.560
Chi phí thuê đất	480.000.000	480.000.000
Mua dịch vụ	11.093.753.208	13.514.822.172
Mua tài sản cố định	3.290.909.091	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	150.301.450.000	2.190.000.000	130.069.054.885	194.325.677.281	-	476.886.182.166
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	75.851.464.005	(32.402.547)	75.819.061.459
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	36.861.583.041	(46.418.289.755)	-	(9.556.706.714)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(36.072.348.000)	-	(36.072.348.000)
Tăng khác	-	-	-	4.757.926.674	-	4.757.926.674
Số dư cuối năm trước	150.301.450.000	2.190.000.000	166.930.637.926	192.444.430.206	(32.402.547)	511.834.115.585
Số dư đầu năm nay	150.301.450.000	2.190.000.000	166.930.637.926	192.444.430.206	(32.402.547)	511.834.115.585
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	83.113.601.731	(1.471.444)	83.112.130.287
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	29.044.226.418	(36.574.211.045)	-	(7.529.984.627)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(36.072.348.000)	-	(36.072.348.000)
Thù lao của Hội đồng quản trị	-	-	-	(1.218.809.660)	-	(1.218.809.660)
Điều chỉnh Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành năm 2019	-	-	-	294.029.351	-	294.029.351
Giảm khác	-	-	-	(2.153.783.256)	-	(2.153.783.256)
Số dư cuối năm nay	150.301.450.000	2.190.000.000	195.974.864.344	199.832.909.327	1.966.126.009	550.265.349.680

Đơn vị tính: VND


 Đỗ Việt Cường
 Người lập


 Nguyễn Xuân Hiếu
 Kế toán trưởng


 Bình Dương, ngày 03 tháng 4 năm 2021
 Võ Văn Lành
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5 và V.14.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Sản xuất.
- Lĩnh vực 02: Xây dựng công trình.
- Lĩnh vực 03: Kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Lĩnh vực 04: Các lĩnh vực khác

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tập đoàn chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bình Dương, ngày 03 tháng 4 năm 2021


 Đỗ Việt Cường
 Người lập biểu


 Nguyễn Xuân Hiếu
 Kế toán trưởng


 Võ Văn Lành
 Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	200.363.803.090	249.984.669.587	307.052.884.894	44.711.504.093	802.112.861.664
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	200.363.803.090	249.984.669.587	307.052.884.894	44.711.504.093	802.112.861.664
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.581.477.575	62.650.222.291	53.702.140.883	5.751.996.760	124.685.837.509
Kết quả kinh doanh theo bộ phận					(50.448.495.868)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					74.237.341.641
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					14.294.518.551
Doanh thu hoạt động tài chính					(14.522.730.676)
Chi phí tài chính					7.000.188.500
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					11.785.798.851
Thu nhập khác					(835.374.842)
Chi phí khác					(10.902.428.547)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(5.238.252.019)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					75.819.061.459
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					75.819.061.459

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

1.358.073.731 32.959.271.837 28.251.830.478 3.123.861.847 65.693.037.893

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

698.816.709 16.959.675.564 14.537.392.736 1.558.847.190 33.754.732.199

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

11.690.915 283.728.372 243.204.580 26.049.463 564.673.330

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	154.770.786.635	261.083.520.366	195.900.092.341	26.464.963.876	638.219.363.218
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	154.770.786.635	261.083.520.366	195.900.092.341	26.464.963.876	638.219.363.218
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.019.567.120	65.828.790.420	37.644.034.340	4.213.971.578	125.706.363.458
Kết quả kinh doanh theo bộ phận					(39.208.669.067)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					86.497.694.391
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					16.406.707.428
Doanh thu hoạt động tài chính					(18.003.512.920)
Chi phí tài chính					7.041.922.610
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					8.674.036.073
Thu nhập khác					(163.221.700)
Chi phí khác					(16.730.562.163)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(610.933.432)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					83.112.130.287
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					83.112.130.287

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

3.440.054.650 12.567.151.868 7.186.495.353 804.475.070 23.998.176.941

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

4.103.618.257 14.991.271.679 8.572.722.395 962.289.588 28.629.901.919

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

- - - - -

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Bình Dương, ngày 25 tháng 04 năm 2021
XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Võ Văn Lĩnh

CÔNG TY CỔ PHẦN CIC39

Địa chỉ: Số 45A, Đường Nguyễn Văn Tiết, Phường Lái Thiêu, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực xây dựng	Lĩnh vực sản xuất	Kinh doanh vật liệu xây dựng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	153.027.217.260	258.142.285.523	193.693.181.018	26.166.822.983	631.029.506.784
Tài sản phân bổ cho bộ phận					344.851.692.755
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					<u>975.881.199.539</u>
Tổng tài sản					
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	101.595.971.102	171.382.690.281	128.594.423.748	17.372.359.240	418.945.444.371
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					6.670.405.488
Tổng nợ phải trả					<u>425.615.849.859</u>
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	150.425.713.015	187.679.219.427	230.523.919.147	33.567.739.179	602.196.590.768
Tài sản phân bổ cho bộ phận					293.359.379.697
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					<u>895.555.970.465</u>
Tổng tài sản					
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	95.294.226.197	118.894.207.846	146.036.193.246	21.265.059.452	381.489.686.741
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					2.232.168.139
Tổng nợ phải trả					<u>383.721.854.880</u>

Bình Dương, ngày 03 tháng 4 năm 2021

Đỗ Việt Cường
Người lập

Nguyễn Xuân Hiếu
Kế toán trưởng

Võ Văn Lĩnh
Tổng Giám đốc

